

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**
- Mã chứng khoán: **BFC**
- Địa chỉ trụ sở chính: C12/21 Quốc lộ 1A, Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 3756 0110 Fax: (84-28) 3756 0799
- Website: www.binhdien.com Email: phanbon@binhdien.com
2. Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền.
3. Nội dung này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/03/2022 tại đường dẫn: www.binhdien.com.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo thường niên 2021



Ngô Văn Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



Năm 2021



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Năm báo cáo năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân Bón Bình Điền
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/ 01 / 2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 12 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 571.679.930.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 571.679.930.000 đồng
- Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. HCM
- Số điện thoại: 028 37560110
- Số fax: 028 37560799
- Email: phanbon@binhdien.com
- Website: www.binhdien.com
- Mã cổ phiếu: BFC
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - o Tiền thân của Công ty phân bón Bình Điền là Xí nghiệp phân bón Bình Điền II trực thuộc Công ty phân bón Miền Nam. Tuy là Xí nghiệp hạch toán báo sổ nhưng từ năm 1991 đã tự xây dựng thương hiệu cho riêng mình - Thương hiệu “ĐẦU TRÁU”.
 - o Với phương châm lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, lấy trang bị kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân làm nội dung cơ bản cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Xí nghiệp với sự chủ động, sáng tạo và quyết tâm cao độ đã phát triển nhanh chóng và tự khẳng định mình trên thị trường. Thương hiệu ĐẦU TRÁU trở thành gắn gũi với các đại lý bạn hàng và bà con nông dân Việt Nam.
 - o Với sự lớn mạnh đó, năm 2003, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) đã có Quyết định số 73/2003/QĐ-BCN về việc chuyển Xí nghiệp phân bón Bình Điền II trực thuộc Công ty phân bón Miền Nam thành Công ty phân bón Bình Điền, là thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hoá chất Việt Nam) cho đến nay.



- Sau khi tách ra, tốc độ phát triển của Công ty ngày càng nhanh, từ một đơn vị gần như không có vị trí nào trong các Công ty thành viên của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam, sau khi tách ra, Công ty lần lượt vào top 10, sau đó top 5 và năm 2007 Công ty đã đứng đầu về doanh số trong các Đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam và năm 2012 Công ty được xếp thứ 117 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Vượt qua bao khó khăn trong quá trình hình thành và phát triển, tập thể CBCNV Công ty Phân bón Bình Điền đã nỗ lực phấn đấu không ngừng, phát huy tính năng động sáng tạo, có định hướng chiến lược và bước đi phù hợp, đã tạo lập được nền móng vững chắc cho tiến trình hội nhập và phát triển của Công ty. Hiện nay sản phẩm phân bón thương hiệu Đầu Trâu của công ty đã có mặt trên toàn quốc và xuất khẩu sang một số nước trong khu vực.
- Đến tháng 6 năm 2008 Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam quyết định cổ phần hóa Công ty Phân Bón Bình Điền theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 06 tháng 06 năm 2008. Công ty đã thuê đơn vị tư vấn thực hiện các Công việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa cho Công ty. Đến tháng 7 năm 2010 Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam có Quyết định số 329/QĐ- HCVN ngày 29 tháng 7 năm 2010 phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty Phân Bón Bình Điền với vốn điều lệ là 397.000.000.000 đồng.
- Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/02/2011, sau khi thực hiện tổ chức bán đấu giá thành công 7.371.300 cổ phần ra bên ngoài cho các nhà đầu tư.
- Ngày 17 tháng 6 năm 2014 Công ty đã được nhận được Giấy chứng nhận phát hành số 47/GCN-UNCK của UBCKNN để tăng vốn từ 397.000.000.000 đồng lên 476.400.000.000 đồng.
- Ngày 27/08/2015 Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM đã ban hành Quyết định số 384/QĐ-SGDHCM chấp thuận đăng ký niêm yết của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền. Ngày 7/10/2015 cổ phiếu Công ty cổ phần phân bón Bình Điền đã chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM.
- Ngày 17 tháng 8 năm 2016 Công ty đã được nhận được thông báo nhận đủ hồ sơ phát hành số 5505/UBCK-QLCB của UBCKNN để tăng vốn từ 476.400.000.000 đồng lên 571.679.930.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn và toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 571.679.930.000 đồng.



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm phân bón (Không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp)
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, các thiết bị và công nghệ sản xuất phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản.
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc...

2.2. Địa bàn kinh doanh:

- Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty trải đều trên cả nước Việt Nam và xuất khẩu qua các nước như: Campuchia, Lào và Myanmar.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị.

- Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng Cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định.
- **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát bao gồm 3 (ba) thành viên, là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.





- **Ban Tổng Giám Đốc:** Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm 1 Tổng Giám đốc, 2 Phó Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các phó Tổng giám đốc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, tư vấn góp ý cho Tổng giám đốc đưa ra các quyết định chiến lược cho Công ty.
- **Phòng Tổng hợp:** Phòng Tổng hợp chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Tổng hợp, có chức năng tham mưu, giúp việc và tổ chức quản lý để đảm bảo sự chỉ đạo điều hành thông suốt của Ban Tổng Giám đốc về các mặt: tổ chức bộ máy quản lý và đào tạo cán bộ; quản lý lao động tiền lương, thi đua khen thưởng; công tác tổng hợp - thống kê; quản lý hành chính và quản trị; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác thông tin tổng hợp của công ty.
- **Phòng kinh doanh:** Phòng Kinh doanh chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh và Marketing, có chức năng tham mưu các cơ chế, chính sách, kế hoạch kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn phát triển cụ thể. Phối hợp với các phòng chức năng khác triển khai các chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh đã được Tổng Giám đốc công ty phê duyệt.
- **Phòng Marketing:** Bộ phận Marketing chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và Marketing, có chức năng tham mưu các chiến lược, cơ chế, chính sách phát triển sản phẩm và thị trường của Công ty. Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty triển khai các chính sách, kế hoạch phát triển thị trường tiêu thụ của Công ty đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt; thực hiện các chương trình phục vụ cho bà con nông dân.
- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Phòng Tài chính - Kế toán chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc Công ty, có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty các cơ chế, chính sách quản lý tài chính của công ty; thực hiện công tác thống kê kế toán theo quy định của pháp luật; kiểm tra, kiểm soát các khoản thu chi theo quy định; theo dõi và báo cáo kịp thời cho Tổng Giám đốc các biến động về tài chính của công ty.
- **Phòng Vật tư Xuất nhập khẩu:** Phòng Vật tư xuất nhập khẩu chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, có nhiệm vụ cung ứng vật tư, nguyên liệu... bảo đảm cho công tác sản xuất được thông suốt theo kế hoạch đã đặt ra; thực hiện các thủ tục xuất, nhập khẩu nguyên liệu, sản phẩm hàng hoá; kiểm tra, giám sát việc nhập, xuất nguyên liệu, vật tư, thành phẩm và hàng hoá tồn kho của công ty theo đúng quy định hiện hành.



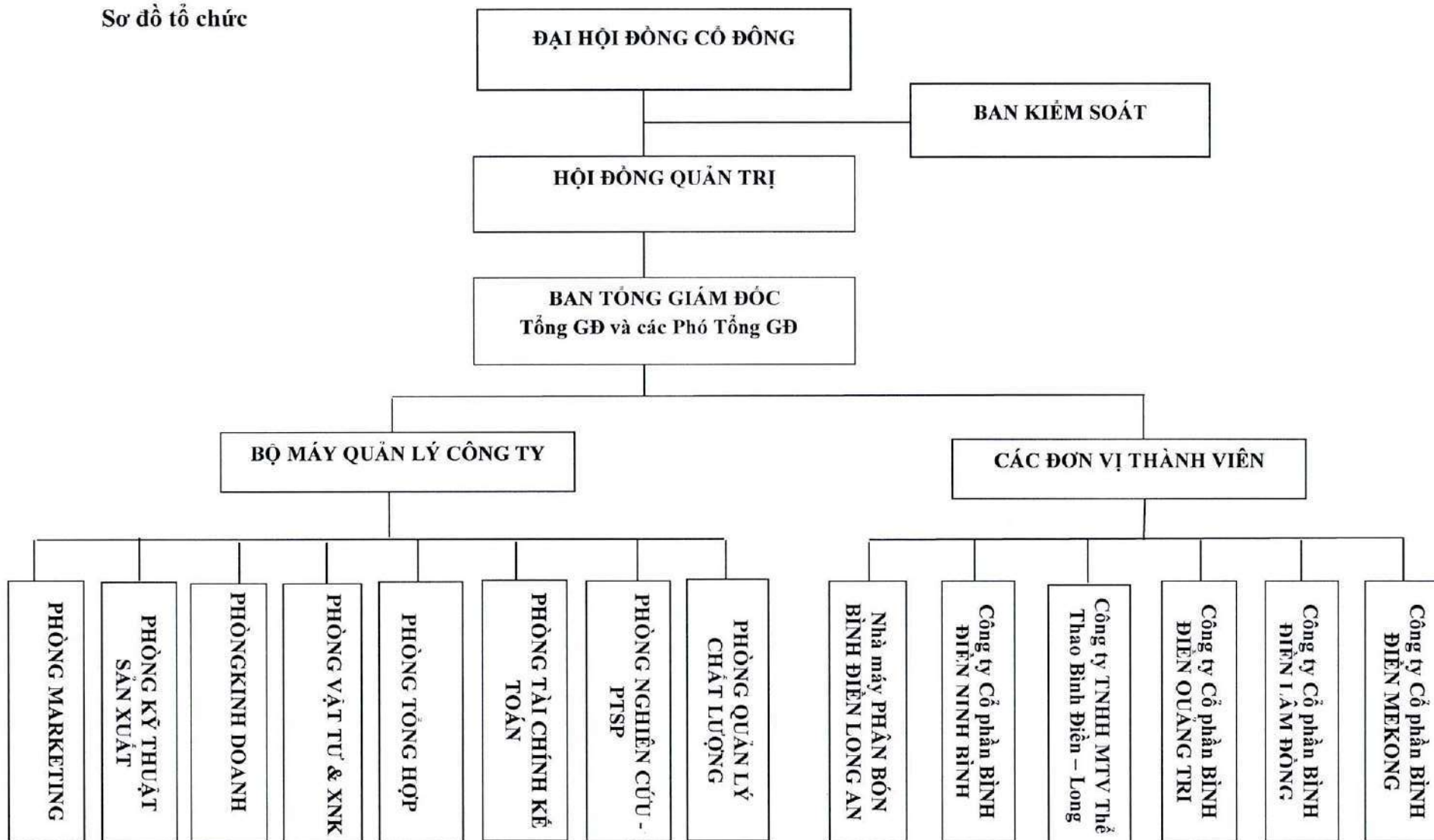
- **Phòng Kỹ thuật sản xuất:** Phòng Kỹ thuật sản xuất chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật sản xuất, có nhiệm vụ thực hiện công tác khoa học kỹ thuật, nghiên cứu và ứng dụng vào công tác sản xuất; kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động; đề xuất các định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm; thực hiện công tác sửa chữa, đầu tư xây dựng cơ bản; nghiên cứu, cải tiến và hoàn thiện công nghệ sản xuất của công ty.

- **Phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm:** Phòng Nghiên cứu phát triển thực hiện các thí nghiệm để đưa vào sản xuất các sản phẩm mới, giúp công ty cũng như người tiêu dùng sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Nghiên cứu triển khai các đề tài khoa học trong lĩnh vực có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Phòng Quản lý chất lượng:** Phòng Quản lý chất lượng Công ty cổ phần phân bón Bình Điền trực thuộc Ban Tổng giám đốc Công ty, có chức năng giúp Ban Tổng giám đốc trong lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền.



Sơ đồ tổ chức





3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty Cổ Phần Bình Điền Lâm Đồng:

- ✓ Phú Thạnh, Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng
- ✓ ĐT: (0263) 3840 416 - Fax: (0263) 3840 304
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 88.529.760.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%

b. Công ty Cổ Phần Bình Điền Quảng Trị:

- ✓ ĐC: Lô 22, Khu Công nghiệp Quán Ngan, xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
- ✓ ĐT: (0233) 581378 - Fax: (0233) 581368
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 39.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.

c. Công ty Cổ Phần Bình Điền MeKong:

- ✓ ĐC: Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- ✓ ĐT: (028) 7561191 - Fax: (028) 7561798
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 39.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.

d. Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An:

- ✓ ĐC: Khu CN Long Định - Long Cang - Xã Long Định - Huyện Cần Đước - Tỉnh Long An
- ✓ ĐT: (0272) 725566 - Fax: (0272) 725544
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Quảng Cáo và Thể Thao
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 100%.

e. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình:

- ✓ ĐC: Khu công nghiệp Khánh Phú, Khánh Phú, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 100.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty luôn đề ra những nhiệm vụ cụ thể về các lợi ích cho nông dân như lợi nhuận từ nông sản, kiến thức khoa học cho bà con nông dân. Trên tinh thần đó, Công ty đã tìm mọi cách đưa các kiến thức về kỹ thuật nông nghiệp: đất, phân, sinh lý cây trồng tới bà con nông dân. Sau khi nông dân nắm được phần nào kiến thức, họ sẽ có những lựa chọn hợp lý, hiệu quả hơn trong việc sử dụng các loại phân bón. Công ty đã kết hợp chặt chẽ với các đơn vị nghiên cứu khoa học, làm cầu nối giữa khoa học, trí thức với nông nghiệp, nông dân. Và trở thành một chất keo kết dính khối liên minh Công – Nông – Thương – Trí.

Công ty cổ phần phân bón Bình Điền phân đầu tập trung các nguồn lực, để trở thành nhà sản xuất phân bón NPK phát triển mạnh và ổn định, không chỉ ở Việt Nam mà còn có đối với khu vực ASEAN.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Công ty luôn chú trọng đến sự phát triển bền vững trong tương lai. Vì vậy với năng lực sản xuất và đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm trong nhiều năm qua Công ty không ngừng mở rộng sản xuất, tăng cường đầu tư và nâng cấp các dây chuyền sản xuất. Chiến lược trong tương lai thương hiệu Đầu Trâu sẽ chiếm thị phần lớn trong cả nước và tăng sản lượng xuất khẩu sang các nước ASEAN.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

a. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Công ty luôn xác định hoạt động bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng là trách nhiệm của Công ty. Với định hướng quản lý toàn bộ sản phẩm từ hoạt động thiết kế, sản xuất, phân phối cho đến sử dụng luôn theo hướng bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho nhân viên và cộng đồng.

b. Ứng dụng sản phẩm công nghệ xanh, thân thiện với môi trường.

Trong những năm gần đây, công ty phân bón Bình Điền đã tiên phong trong việc nghiên cứu áp dụng công nghệ xanh để sản xuất ra các sản phẩm phân bón vừa nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vừa chống thất thoát để giảm chi phí và giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

5. Các rủi ro:

a. Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón NPK nhỏ lẻ ở các tỉnh với công nghệ sản xuất đơn giản đã tung ra các mặt hàng phân bón giá rẻ, kém chất lượng. Sản phẩm phân bón nhập khẩu ngày càng nhiều nên cạnh tranh giữa các thương hiệu ngày càng cao. Tuy nhiên với thương hiệu Đầu Trâu có uy tín trong nhiều năm qua, Công ty vẫn giữ vững thị trường hiện có và mở rộng thị phần ra các vùng miền trong cả nước.



b. Rủi ro biến động giá cả nguyên liệu đầu vào

Nguồn nguyên liệu đầu vào dồi dào từ các nhà máy Đạm trong nước đã cung cấp đầy đủ nguồn nguyên liệu cho các Công ty phân bón trong nước nói chung và Công ty nói riêng. Công ty áp dụng nhiều chính sách bán hàng để duy trì thị phần cũng như sản lượng phân bón của Công ty trên thị trường. Qua năm 2021 Công ty cũng thận trọng trong việc dự trữ hợp lý và ký kết các hợp đồng mua nguyên liệu đầu vào nhằm giảm tối đa sự ảnh hưởng của sự biến động giá tác động không tốt đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

c. Rủi ro đặc thù của ngành phân bón

Phân bón là ngành phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sản phẩm của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nhu cầu đối với nông sản và điều kiện tự nhiên như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh, mất mùa... Ngoài ra, chính sách phát triển ngành phân bón hóa chất trong nước và chính sách xuất nhập khẩu phân bón của các nước cung cấp phân bón chính trên thế giới đều ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp.

Nguồn cung phân bón sẽ tiếp tục tăng từ việc các nhà máy sản xuất phân bón trên toàn quốc đưa vào hoạt động, do đó Công ty sẽ chịu nhiều sự cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp này.

d. Rủi ro gây ra bởi dịch bệnh Covid-19

Bệnh dịch Covid-19 vẫn đang kéo dài và có diễn biến rất phức tạp gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thị trường và đời sống xã hội. Các quy định về giãn cách xã hội đã làm cho một số mặt hàng nông sản khó tiêu thụ, giá nông sản giảm mạnh dẫn đến việc cắt giảm đầu tư vật tư nông nghiệp của bà con nông dân. Ngoài ra, đại dịch đã gây tắc nghẽn trong chuỗi cung ứng toàn cầu làm cho giá nguyên liệu sản xuất và cước phí vận chuyển tăng tạo nên nhiều thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành phân bón nói chung và Công ty nói riêng.

**II. Tình hình hoạt động trong năm****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 |
|---------------------------------------|-----------|
| Doanh thu | 7.882.005 |
| Lợi nhuận trước thuế | 371.231 |
| Lợi nhuận sau thuế | 296.756 |
| Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ | 219.559 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2021

Năm 2021, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát mạnh mẽ làm suy giảm nền kinh tế trong nước, gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thế nhưng với sự chỉ đạo đúng đắn của ban Tổng giám đốc cùng sự quyết tâm cao của toàn thể CBCNV, Công ty đã ghi nhận một năm kết quả kinh doanh vượt trội với tổng doanh thu đạt 7.882 tỷ tăng hơn 42,7% so với năm 2020, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 296,7 tỷ, tăng 78,8% so với năm 2020 (165,9 tỷ). Trong năm, ngoài những chính sách bán hàng hỗ trợ cho đại lý và bà con nông dân theo từng mùa vụ giúp tăng sản lượng bán ra, Công ty còn thực hiện hiệu quả chính sách cắt giảm chi phí giúp cho tỷ lệ lợi nhuận tăng trưởng cao.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện năm 2021 | | |
|----------------------|-----------|--------------------|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| | | | Giá trị | % tăng, giảm so với năm 2020 | % tăng, giảm so với kế hoạch |
| Doanh thu | 5.521.825 | 5.690.000 | 7.882.005 | 42,7% | 38,5% |
| Lợi nhuận trước thuế | 200.178 | 166.000 | 371.231 | 85,4% | 123,6% |
| Tỷ lệ cổ tức (%) | 20% | Không thấp hơn 12% | 20% (*) | 0% | 66,6% |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2021



Trong năm 2021, thị trường phân bón tiếp tục có những khó khăn, cạnh tranh giữa các nhà sản xuất phân bón ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, dịch bệnh kéo dài làm suy giảm tiêu dùng trong nước và gây tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng nguyên vật liệu sản xuất làm cho giá nguyên liệu biến động khó lường. Trước những thách thức trên, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát diễn biến và dự báo thị trường để lập kế hoạch tồn kho nguyên liệu hợp lý, dựa vào khả năng sản xuất để đề ra các chính sách bán hàng linh hoạt theo từng mùa vụ nhằm phát triển thị phần, gia tăng tiêu thụ, đồng thời thực hiện phương án “3 tại chỗ” duy trì hoạt động sản xuất trong giai đoạn giãn cách căng thẳng, đảm bảo việc làm cho người lao động. Vì vậy, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn nhưng Công ty lại đạt được thắng lợi to lớn, tất cả các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra, và tăng trưởng mạnh, trong đó:

- Doanh thu đạt 7.882 tỷ tăng 42,7% so với cùng kỳ, vượt 38,5% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 371,2 tỷ tăng 85,4% so với cùng kỳ, vượt 123,6% kế hoạch.

(*) Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 là 20% tăng 66,6% kế hoạch đã đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| ST T | Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh | Số cổ phần sở hữu đến 31/12/2021 | Tỷ lệ sở hữu |
|------|-----------------|--|----------|----------------------------------|--------------|
| 01 | Ngô Văn Đông | Tổng Giám đốc | 1967 | Không | - |
| 02 | Nguyễn Minh Sơn | Phó Tổng Giám đốc | 1963 | 2.592 cp | 0.004% |
| 03 | Võ Văn Phú | Phó Tổng Giám đốc | 1969 | 2.448 cp | 0.004% |
| 04 | Trần Tấn Sơn | Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng | 1962 | 6.192 cp | 0.01% |

- Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

Ông Ngô Văn Đông – Tổng giám đốc – Sinh năm 1967:

Ông Đông là kỹ sư nông nghiệp, Ông Đông có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh ngành phân bón. Các vị trí và Công ty đã từng làm việc:

+ Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh, Tổng Cục Công Nghiệp Quốc Phòng – Bộ Quốc Phòng.

+ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Bình Điền - Giám đốc Công ty CP Bình Điền - Quảng Trị

+ Hiện nay là Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Bình Điền.



Ông Nguyễn Minh Sơn – Phó Tổng giám đốc – Sinh năm 1963:

Ông Sơn tốt nghiệp sư phạm kỹ thuật, Ông Sơn gắn bó với Công ty cổ phần phân bón Bình Điền từ năm 1991.

+ Từ năm 2012 đến nay Ông Nguyễn Minh Sơn là Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh và Marketing của Công ty.

Ông Võ Văn Phú – Phó Tổng giám đốc – Sinh năm 1969:

Ông Phú là Thạc sỹ Quản lý Công nghiệp, Kỹ sư Công nghệ Hóa. Ông Phú phụ trách các vị trí quan trọng trong Công ty từ năm 1992 đến nay:

+ Phụ trách kỹ thuật Nhà máy Phân bón Bình Điền.

+ Trưởng phòng Kỹ thuật Sản xuất Công ty Phân bón Bình Điền.

+ Từ năm 2013 đến nay là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phân bón Bình Điền.

Ông Trần Tấn Sơn – Kế toán trưởng Công ty – Sinh năm 1962:

Ông Trần Tấn Sơn là cử nhân kinh tế, cử nhân luật. Từng đảm trách các công việc trước khi làm việc tại Công ty như: Cán bộ Thu quốc doanh Ty tài chính Kiên Giang, Chiến sỹ - Sỹ quan chuyên nghiệp Phòng hậu cần Ban chỉ huy quân sự tỉnh Kiên Giang.

Từ năm 1996 – Nay: Ông Sơn làm việc tại Công ty CP Phân bón Bình Điền qua các vị trí: Phó giám đốc nhà máy phân bón Bình Điền, Kế toán trưởng Công ty.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2021 không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành.
- Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty đến 31/12/2021

| STT | Chỉ tiêu | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|----------|------------------------------------|------------------|----------------|
| 1 | Phân theo trình độ | 431 | 100,00% |
| | Đại học và trên đại học | 105 | 24,36% |
| | Cao đẳng | 16 | 3,71% |
| | Trung cấp và sơ cấp | 208 | 48,26% |
| | Lao động phổ thông | 102 | 23,67% |
| 2 | Phân theo thời hạn hợp đồng | 431 | 100,00% |
| | Lao động không xác định thời hạn | 402 | 93,27% |
| | Lao động có thời hạn từ 1-3 năm | 29 | 6,73% |
| | Lao động có thời hạn 1 năm | 0 | 0,00% |



Đối với đội ngũ CBCNV, lãnh đạo công ty luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị, máy móc, tạo dựng môi trường làm việc trong lành, thân thiện, khuyến khích tinh thần học hỏi, cầu tiến và sẻ chia kinh nghiệm... giúp người lao động làm việc có hiệu quả và nâng cao thu nhập.

Bên cạnh các chính sách về lương, thưởng hợp lý, các chính sách về đào tạo, bảo hiểm, phúc lợi cao, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cùng các cấp chính quyền còn thường xuyên phát động các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ... nhằm góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV, nâng cao năng suất lao động và tinh thần thi đua sáng tạo, góp phần vào thành công của Công ty.

Hàng năm Công ty tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV, phát động phong trào thi đua sáng kiến trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2021 Công ty không phát sinh đầu tư các dự án lớn.

b. Các Công ty con, Công ty liên kết:

- Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính các Công ty con trong năm 2021:

Đvt: Triệu đồng

| STT | Tên công ty con, công ty liên kết | Tổng tài sản | Vốn Điều lệ | Tỷ lệ góp vốn của Công ty | Doanh thu | Lợi nhuận sau thuế |
|-----|---|--------------|-------------|---------------------------|-----------|--------------------|
| 1 | Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng | 327.084 | 88.530 | 51% | 755.589 | 30.233 |
| 2 | Công ty CP Bình Điền Mekong | 266.337 | 39.000 | 51% | 527.850 | 4.259 |
| 3 | Công ty CP Bình Điền Quảng Trị | 372.722 | 39.000 | 51% | 613.707 | 21.922 |
| 4 | Công ty CP Bình Điền Ninh Bình | 1.024.153 | 100.000 | 51% | 1.462.668 | 101.131 |
| 5 | Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An | 8.125 | 5.000 | 100% | 14.273 | 602 |

Công ty có 5 Công ty con, trong đó có Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An là hoạt động trong lĩnh vực thể thao, thực hiện quảng bá thương hiệu cho Công ty.

**4. Tình hình tài chính**

- Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|---------------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 3.056.695 | 3.854.080 | 26,1% |
| Doanh thu thuần | 5.418.393 | 7.742.796 | 42,9% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 197.857 | 368.699 | 86,3% |
| Lợi nhuận khác | 2.321 | 2.532 | 9,1% |
| Lợi nhuận trước thuế | 200.178 | 371.231 | 85,5% |
| Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ | 133.177 | 219.559 | 64,9% |
| Tỷ lệ trả cổ tức | 20% | 20% (*) | 0% |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2021

Tình hình tài chính của Công ty năm 2021 tăng trưởng ổn định, tổng tài sản hợp nhất đạt 3.854 tỷ đồng tăng trưởng 26.1% so với cùng kỳ.

(*) Công ty dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 là 20%.

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2020 | Năm 2021 |
|--|-------------|----------|----------|
| 1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn | | | |
| 1.1. Cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 72,29 | 79,00 |
| - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 27,71 | 21,00 |
| 1.2. Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 60,50 | 64,66 |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | % | 39,50 | 35,34 |
| 2. Khả năng thanh toán | | | |
| 2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,27 | 1,25 |
| 2.2. Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,59 | 0,21 |
| 2.3. Khả năng thanh toán tức thời | Lần | 0,24 | 0,10 |
| 3. Tỷ suất sinh lời | | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần | % | 13,94 | 11,69 |



| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2020 | Năm 2021 |
|---|-------------|----------|----------|
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần | % | 3,06 | 3,83 |
| - Doanh thu thuần trên tổng tài sản | % | 169,48 | 224,08 |
| - Tỷ suất sinh lời trên tài sản | % | 5,19 | 8,59 |
| - Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu | % | 14,06 | 23,10 |
| 4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động | | | |
| - Vòng quay tài sản | Vòng | 1,69 | 2,24 |
| - Vòng quay các khoản phải thu | Vòng | 9,07 | 21,17 |
| - Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 4,28 | 4,16 |
| - Vòng quay vốn lưu động | Vòng | 11,81 | 14,36 |

Trong năm 2021 do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao trong 6 tháng cuối năm nhưng giá bán sản phẩm của Công ty luôn giữ ổn định và tốc độ tăng giá chậm hơn so với giá nguyên liệu đầu vào nên tỷ lệ lãi gộp giảm từ 13,94% trong năm 2020 xuống còn 11,69% trong năm 2021. Tuy nhiên với sự ổn định giá bán đã làm cho sản lượng bán ra tăng cao dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng theo.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần: Công ty có vốn điều lệ là 571.679.930.000 đồng, tương đương với 57.167.993 cổ phần đang lưu hành. Toàn bộ số cổ phần được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và được tự do chuyển nhượng.
- Cơ cấu cổ đông đến ngày 18/06/2021

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông (người) | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----------|---------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 1.895 | 54.994.889 | 549.948.890.000 | 96,20% |
| 1.1 | Tổ chức | 36 | 38.464.807 | 384.648.070.000 | 67,28% |
| | Trong đó: | | | | |
| | - Cổ đông Nhà nước | 1 | 37.159.200 | 371.592.000.000 | 65,00% |
| 1.2 | Cá nhân | 1.859 | 16.530.082 | 165.300.820.000 | 28,91% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 36 | 2.173.104 | 21.731.040.000 | 3,80% |
| 2.1 | Tổ chức | 16 | 2.147.580 | 21.475.800.000 | 3,76% |
| 2.2 | Cá nhân | 20 | 25.524 | 255.240.000 | 0,04% |
| | Tổng cộng | 1.931 | 57.167.993 | 571.679.930.000 | 100,00% |



- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
 - o Ngày 17 tháng 6 năm 2014 Công ty đã được nhận được Giấy chứng nhận phát hành số 47/GCN-UNCK của UBCKNN để tăng vốn từ 397.000.000.000 đồng lên 476.400.000.000 đồng. Hình thức phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu, giá bán 10.000 đồng/ cổ phần. tỷ lệ thực hiện quyền 5:1.
 - o Ngày 17 tháng 8 năm 2016 Công ty đã được nhận được thông báo nhận đủ hồ sơ phát hành số 5505/UBCK-QLCB của UBCKNN để tăng vốn từ 476.400.000.000 đồng lên 571.679.930.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện quyền là 5:1.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.
- Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

Trong suốt hơn 30 năm hình thành và phát triển, Công ty luôn xem yếu tố con người là yếu tố tiên quyết và quan trọng nhất, làm tiền đề cho mọi kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty. Do đó, bên cạnh phát triển kinh tế, Công ty còn chú trọng đến việc hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, xem đây là trách nhiệm cần được giữ gìn và phát huy.

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón nên trong quá trình sản xuất cũng phát sinh khí thải, khói, bụi. Tuy nhiên trong quy trình sản xuất có nhiều Công đoạn khép kín và hệ thống lọc bụi tay áo trong quy trình sản xuất cũng làm giảm thiểu tối đa bụi ra ngoài môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm của Công ty trong năm:

Tổng sản lượng nguyên vật liệu của riêng Công ty mẹ sử dụng để sản xuất trong năm làm 422 ngàn tấn nguyên liệu chủ yếu các loại phân đơn như: URE; DAP; Kali.... Trước khi nhập kho, các nguyên vật liệu đều được kiểm tra nghiêm ngặt đảm bảo nguyên vật liệu đầu vào đạt chất lượng tốt nhất.

- b. Tỷ lệ nguyên vật liệu tái chế trong năm:

Trong quá trình sản xuất sản phẩm, một số sản phẩm không phù hợp với thị trường tiêu thụ hay mẫu mã sản phẩm chưa đạt yêu cầu tối thiểu về hình thức mẫu mã theo quy định của Công ty thì các sản phẩm này được đưa vào lại quy trình sản xuất để tái chế.



6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ hiện nay chủ yếu của Công ty là điện, than và dầu DO:

- Điện dùng cho sinh hoạt và vận hành các thiết bị sản xuất, phụ trợ
- Than dùng cho lò hơi, lò sấy
- Dầu DO dùng cho máy phát điện dự phòng, xe nâng hàng

Bảng: Sử dụng năng lượng năm 2021

| Loại | Đơn vị | Số lượng |
|--------|--------|-----------|
| Điện | kWh | 9.557.664 |
| Dầu DO | lít | 78.630 |
| Than | tấn | 5.043 |

Trong năm 2021, Công ty đã sử dụng khoảng: 17,9 tỷ đồng tiền điện để vận hành hệ thống sản xuất, phục vụ sinh hoạt và 5.043 tấn than đá, 78.630 lít dầu DO trong quá trình sản xuất.

Hằng năm, Công ty luôn nỗ lực đưa ra các giải pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, thực hiện đúng theo luật “Sử dụng dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” mà nhà nước đề ra.

b. Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến: Trong năm 2021 Công ty không có các sáng kiến để tiết kiệm thêm năng lượng tiêu thụ.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Công ty không phát sinh.

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Công ty ký kết hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt với các nhà cung cấp nước sạch tại địa phương. Trong năm 2021, chi phí sử dụng nước sinh hoạt trong Công ty hơn 800 triệu đồng.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Công ty chỉ sử dụng nước sinh hoạt, chưa thực hiện tái chế nước. Tuy nhiên, 100% lượng nước thải đã được xử lý trước khi đưa ra môi trường, kết quả phân tích nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.



6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là một đơn vị hoạt động trong ngành phân bón lâu năm và uy tín trên thị trường Việt Nam nên Công ty luôn xác định đóng góp vào hoạt động bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng là trách nhiệm của Công ty. Với định hướng quản lý toàn bộ sản phẩm từ hoạt động thiết kế, sản xuất, phân phối cho đến sử dụng luôn theo hướng bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho nhân viên và cộng đồng.

Trong năm 2021, Công ty đã đầu tư kinh phí cho việc bảo vệ môi trường và an toàn sức khỏe người lao động hơn 10 tỷ tăng gấp đôi so với năm 2020. Nguồn kinh phí chủ yếu tập trung vào việc lắp đặt hệ thống quan trắc khí tự động để quản lý hiệu quả nguồn khí thải, vận hành hệ thống xử lý chất thải và thực hiện các biện pháp an toàn, cải thiện môi trường lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động.

Các đơn vị thực hiện việc thu gom chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại cho Công ty được lựa chọn là những đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực hiện nay.

Định kỳ Công ty thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát môi trường.

Bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ tiên tiến là Ure hóa lỏng cũng làm giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, ứng dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường hơn.

Duy trì áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015 với cam kết lãnh đạo luôn ưu tiên phát triển bền vững về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động chính thức của Công ty đến cuối năm 2021 là 431 người, thu nhập bình quân của người lao động là 17,019 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Đi đôi với việc đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, các chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác của người lao động được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức tham quan nghỉ mát. Người lao động được Công ty đóng bảo hiểm nhân thọ.

Thực hiện đo kiểm môi trường lao động hàng năm nhằm đánh giá và điều chỉnh môi trường lao động phù hợp và đáp ứng môi trường lao động an toàn, sạch sẽ cho người lao động.



c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty luôn coi trọng nguồn lao động như tài sản quý giá của Công ty. Vì vậy, công ty đã ban hành các quy chế hỗ trợ người lao động trong công tác đào tạo để nâng cao tay nghề phục vụ sản xuất kinh doanh trong Công ty. Toàn bộ các chi phí đào tạo được Công ty hỗ trợ. Đối với Công nhân thì thường xuyên cập nhật kiến thức sản xuất từ các nhân viên có nhiều kinh nghiệm trong Công ty. Hàng năm có kiểm tra đánh giá tay nghề của từng công nhân viên trong Công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2021, đứng trước tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh gây ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ đời sống xã hội, Công ty đã tài trợ và phối hợp với Tổ công tác 970 Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức chương trình “Nông sản gửi trao, cùng nhau vượt khó” đã trao tặng 6.000 combo nông sản, trị giá 1,5 tỷ đồng, đến các hộ gia đình công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Long An và TP. Hồ Chí Minh với mục tiêu giúp nông dân giảm bớt gánh nặng đầu ra cho nông sản, cũng như giúp công nhân lao động nghèo mất việc làm có thêm chút lương thực, thực phẩm, góp thêm nguồn động viên giúp họ ổn định cuộc sống, chuẩn bị bước vào tham gia tái sản xuất trong điều kiện bình thường mới. Song song đó, cũng với mục tiêu chung tay, góp sức, chia sẻ cùng các lực lượng chức năng ở tuyến đầu chống dịch, đồng bào bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid-19, cùng cả nước chiến thắng đại dịch, Bình Điền đã:

+ Trao hỗ trợ 2.000 nón tai bèo tới lực lượng tuyến đầu chống dịch;

+ Đóng góp hàng trăm triệu đồng ủng hộ mua vaccine, hỗ trợ phòng chống dịch, hỗ trợ người lao động khó khăn do bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19 thông qua Đảng ủy Khối cơ sở Bộ Công thương tại Tp.HCM, thông qua Báo Sài Gòn Giải Phóng;

Với phương châm hoạt động “Bạn đồng hành của nhà nông”, Công ty luôn đặt lợi ích của bà con nông dân lên trên lợi ích của chính mình. Hằng năm, Công ty dành hàng chục tỷ đồng để duy trì thực hiện các chương trình nâng cao trình độ canh tác cho bà con nông dân, chia sẻ kinh nghiệm giúp bà con canh tác hiệu quả hơn. Đồng thời, triển khai rất nhiều hoạt động thiện nguyện hướng đến hỗ trợ cho người nông dân và con em nông dân như hỗ trợ xây dựng nhà tình thương “Mái ấm Bình Điền” cho các gia đình chính sách, bà con nghèo trong cả nước, tài trợ và kêu gọi tài trợ nhiều quỹ học bổng như “Tiếp sức đến trường”, “Vì tương lai Việt Nam”, “Chắp cánh ước mơ”,... giúp cho các em học sinh nghèo vượt khó tiếp tục con đường thực hiện ước mơ của mình, hỗ trợ phong trào đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng suốt đời nhiều mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ các buôn kết nghĩa (đồng bào dân tộc) trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội,...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không phát sinh trong năm 2021, Công ty chưa có nhu cầu tăng vốn trong năm.



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Khó khăn:

Năm 2021, tình hình kinh tế nói chung và ngành sản xuất kinh doanh phân bón nói riêng gặp nhiều khó khăn thách thức, như:

- Đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn. Trong nước, bên cạnh tác động không nhỏ của bối cảnh thế giới, đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 với tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm hơn, buộc Chính phủ phải áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch mạnh hơn trong thời gian dài đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty cổ phần phân bón Bình Điền.

- Giá cả nguyên liệu sản xuất phân bón tăng cao, trong đó một số loại phân bón như Urê, DAP, SA và Kali thời điểm cuối năm 2021 tăng trung bình gấp 2-3 lần so với thời điểm đầu năm. Bên cạnh đó một số nước có nguồn phân bón lớn hạn chế xuất khẩu phân bón đã ảnh hưởng đến nguồn cung, giá cả bị đẩy lên cao và tại một số thời điểm đã xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa trên thị trường.

1.2. Thuận lợi:

- Về nhu cầu phân bón, do giá phân đơn tăng cao và khan hiếm nên bà con nông dân chuyển sang sử dụng phân bón NPK nên sản lượng tiêu thụ của các doanh nghiệp sản xuất NPK tăng mạnh, trong đó có Công ty.

- Thời tiết năm 2021 thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, diện tích canh tác lúa tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh miền Đông và miền Trung tăng lên làm gia tăng nhu cầu sử dụng phân bón.

- Thương hiệu và uy tín của “Phân bón Đầu Trâu” tiếp tục được bà con nông dân trong và ngoài nước tin dùng.

- Với hệ thống phân phối rộng lớn, đại lý bán hàng truyền thống luôn sát cánh cùng Công ty trong những thời điểm khó khăn đã góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn thách thức.

- Sự quan tâm giúp đỡ của các ngành, các cấp, các nhà khoa học và tinh thần đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức của tập thể người lao động đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.



1.3. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021

- Sản lượng sản xuất hợp nhất: 742.166 tấn, tăng 24,2% so với năm 2020, đạt 123,3% so với kế hoạch.
- Sản lượng tiêu thụ hợp nhất: 730.718 tấn, tăng 25,7% so với năm 2020, đạt 121,4% so với kế hoạch.
- Tổng doanh thu hợp nhất thực hiện: 7.882 tỷ đồng, tăng 42,7% so với năm 2020, đạt 138,5% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 371 tỷ đồng, tăng 85,4% so với năm 2020, đạt 223.6% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện riêng Công ty mẹ: 205 tỷ đồng, tăng 42,7% so với năm 2020, đạt 178,2% so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

Việc quản lý và sử dụng tài chính được quản lý và cân đối tốt, tình hình công nợ được kiểm soát chặt chẽ. Với chính sách kinh doanh linh hoạt, hợp lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chủ động cân đối về mặt tài chính. Các khoản vốn vay được sử dụng đúng mục đích đã nâng cao hiệu quả của đồng vốn. Bên cạnh đó, nhờ đề ra và thực hiện tốt các chính sách tài chính, kiểm soát chi phí nên chi phí lãi vay của năm 2021 đã giảm hơn 23,8 tỷ đồng so với năm trước.

a. Tình hình tài sản

Đvt: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|----------------------|-----------|-----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 3.056.695 | 3.854.080 | 26.09% |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2021

Tình hình tổng tài sản của Công ty trong năm 2021 tăng hơn 26.09% so với cùng kỳ chủ yếu tập trung vào chỉ tiêu về giá trị hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm cuối năm tăng cao, ngoài sản lượng tăng, giá bình quân nguyên vật liệu cũng tăng dẫn đến giá trị hàng tồn kho tăng 114% so với đầu năm.

b. Tình hình nợ phải trả

Đvt: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| Tổng nợ phải trả | 1.849.445 | 2.492.109 | 34,75% |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.061.758 | 1.375.431 | 29,54% |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 95.112 | 50.967 | -46,41% |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2021



Trong năm 2021, mặc dù giá trị hàng tồn kho tăng hơn 114% nhưng việc vay vốn ngắn hạn chỉ tăng 29,54% điều này chủ yếu do Công ty đã quản lý tốt các khoản công nợ phải thu, phải trả, chủ động trong quản lý dòng tiền hoạt động kinh doanh của Công ty nên đã góp phần làm cho chi phí lãi vay giảm hơn 23,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới; tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.

- Bố trí, sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý, hạn chế thuê mướn nhân công bên ngoài nhằm tiết giảm chi phí và không ảnh hưởng đến quỹ lương.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2022, bên cạnh những thuận lợi về lợi thế thương hiệu, tình hình hoạt động của Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn thách thức, đó là:

- Đại dịch Covid-19 gây ra đang diễn biến ngày càng phức tạp, đã và đang gây thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới và trong nước, sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty.

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dự báo năm 2022 thời tiết khô hạn và xâm nhập mặn tiếp tục diễn biến phức tạp tác động xấu đến sản xuất nông nghiệp dẫn đến gây bất lợi cho hoạt động kinh doanh của ngành phân bón.

- Dự báo giá cả nguyên liệu sản xuất phân bón NPK tiếp tục tăng sẽ ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp, ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón NPK.

- Giá cả phân bón dự kiến tiếp tục duy trì ở mức cao trong khi giá nông sản còn thấp, điều này làm giảm lợi nhuận của nhà nông, việc giảm sử dụng phân bón để tiết kiệm chi phí hoặc lựa chọn phân bón hữu cơ thay thế phân bón vô cơ sẽ tiếp tục diễn ra ở mức độ rộng và nhanh hơn, điều này có thể dẫn đến việc nhu cầu phân bón vô cơ sẽ giảm trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

- Tại thị trường của Công ty ở nước ngoài cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ sản phẩm nhập khẩu từ các nước khác sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.



Từ những nhận định nêu trên, Tổng giám đốc Công ty đề xuất mục tiêu nhiệm vụ và kế hoạch năm 2022 như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022(*) | So sánh KH_2022 / TH_2021 |
|-----|---------------------------------|---------|--------------------|----------------------|---------------------------|
| A | B | C | (1) | (2) | (3=2/1) |
| 1 | Sản lượng sản xuất | Tấn | 742.166 | 602.750 | 81.2% |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | Tấn | 730.718 | 602.750 | 82.5% |
| 3 | Tổng doanh thu | Triệu đ | 7.882.005 | 6.428.000 | 81.6% |
| 4 | Lợi Nhuận trước thuế hợp nhất | Triệu đ | 371.231 | 200.000 | 53.9% |
| 5 | LNTT thực hiện riêng Công ty mẹ | Triệu đ | 205.018 | 145.000 | 70.7% |

(*): Kế hoạch năm sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nên không có ý kiến giải trình.
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.**

a) Về môi trường

- Nghiên cứu cải tiến các hệ thống định lượng tự động nhằm nâng cao độ đồng nhất, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm bụi phát tán trong môi trường sản xuất.

- Nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị hiện tại, thay đổi các thông số công nghệ và ứng dụng vào sản xuất các sản phẩm phân bón hữu cơ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước tiếp cận xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ đảm bảo hệ sinh thái bền vững, tạo điều kiện cho sự chuyển hóa khép kín trong quá trình canh tác, góp phần bảo vệ môi trường.

- Môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện; công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được kiểm soát chặt chẽ.

b) Về xã hội

- Tiếp tục thực hiện công tác kết nghĩa với Buôn Eana, địa chỉ tại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và Bon Rlong Phe tại huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, giúp đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội tại địa phương.





- Duy trì các chương trình an sinh xã hội, từ thiện, như: hỗ trợ nhà tình nghĩa, mái ấm Bình Điền cho các gia đình chính sách, thương binh liệt sỹ; ủng hộ người nghèo, trẻ em nghèo hiếu học, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, ủng hộ quỹ phòng, chống Covid, Quỹ an sinh xã hội Tập đoàn; thực hiện chương trình hỗ trợ máy tính cho con em của các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, phối hợp với đoàn công tác 970 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trao 6.000 phần quà cho 6.000 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn do dịch Covid vv... với tổng số tiền trên trên 05 tỷ đồng.

- Đồng hành cùng Công ty trong công tác vì người nghèo, tập thể người lao động đã trích từ thu nhập của mình để góp vào quỹ người nghèo với mức 20.000 đồng/người/tháng và 3%/tiền của mỗi kỳ thưởng/người, đóng góp vào Quỹ an sinh xã hội của Tập đoàn với mức 01 ngày công thực tế bình quân.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty, thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

a) Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Năm 2021, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón, trong đó có Công ty gặp rất nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, nguyên liệu bị thiếu hụt và liên tục tăng giá, mức độ cạnh tranh trên thị trường phân bón ngày càng khốc liệt vv...

Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra, trong đó lợi nhuận trước thuế thực hiện riêng của Công ty mẹ đạt 142,7% so với thực hiện năm 2020, đạt 178,2% kế hoạch năm 2021.

b) Trong lĩnh vực tài chính:

- Năm 2021, tình hình tài chính của Công ty rất lành mạnh, các khoản công nợ phải thu, phải trả được kiểm soát chặt chẽ; tổng hạn mức vốn vay của Công ty không vượt quá hạn mức cho phép theo quy định của pháp luật, việc thanh toán các khoản vay đều được thực hiện đúng thời gian theo quy định, qua đó đã tiết giảm được chi phí lãi vay.

- Các khoản chi phí của Công ty được kiểm soát chặt chẽ và được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế mua sắm do Hội đồng quản trị Công ty ban hành, đã góp phần hạn chế và cắt giảm những chi phí không hợp lý, làm tăng lợi nhuận.



- Các báo cáo tài chính quý, 06 tháng, năm được Hội đồng quản trị soát xét cẩn trọng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch của báo cáo tài chính trước khi công bố thông tin hoặc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

c) Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng:

Năm 2021 không phát sinh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, mà chỉ có các dự án cải tạo dây chuyền thiết bị, đường nội bộ, mua sắm nhỏ lẻ phục vụ trực tiếp cho sản xuất thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc theo phân cấp thẩm quyền.

d) Trong lĩnh vực quản trị nội bộ, tổ chức bộ máy, công tác cán bộ

- Về công tác quản trị nội bộ: Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được rà soát, sửa đổi làm cơ sở cho công tác quản lý hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Ban hành định mức tiêu hao nguyên vật liệu làm cơ sở cho việc kiểm soát nguyên vật liệu trong sản xuất; Ban hành Định mức tồn kho tối đa các loại nguyên vật liệu chính và phê duyệt kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu năm 2021 làm cơ sở cho công tác quản lý hoạt động mua sắm.

- Về công tác tổ chức cán bộ: công tác cán bộ được Hội đồng quản trị thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, quy định của pháp luật và Quy chế do Công ty ban hành. Năm 2021, Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung sau đây:

+ Phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026;

+ Bổ nhiệm lại ông Võ Văn Phú giữ chức vụ Phó TGĐ Công ty.

e) Trong lĩnh vực quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác:

- Công tác quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác được chú trọng. Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế quản lý người đại diện, Quy chế giám sát tài chính tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác.

- Thông qua báo của người đại diện, Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của các công ty thành viên và chỉ đạo cho người đại diện hướng các công ty thành viên đi theo định hướng mà Công ty đã đề ra, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn vốn của Công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- Năm 2021, Công ty không phát sinh đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

f) Kết quả thực hiện nhiệm vụ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông:

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã quyết định chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.



g) Trách nhiệm với môi trường và xã hội

Công ty tập trung xây dựng và phát triển hệ thống quản lý môi trường trong toàn công ty. Thực hiện xử lý chất thải theo đúng quy trình, xây dựng môi trường lao động an toàn.

Hoạt động hóa chất luôn được chú trọng cải tiến theo định hướng đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường; tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nguyên liệu an toàn và giảm thiểu phát thải.

Đây có thể xem là một trong những bước đệm mới nữa để Bình Điền tiếp tục nỗ lực hơn trong việc tạo ra nhiều dòng sản phẩm mang thương hiệu Đầu Trâu đáp ứng được nhiều yêu cầu ngày càng cao trong tương lai, hướng đến xây dựng một môi trường Xanh – Sạch – Đẹp và phát triển bền vững, ổn định an toàn trong sản xuất.

Năm 2021, Công ty luôn chủ động, nhiệt tình thực hiện các chương trình thiện nguyện, xóa đói giảm nghèo, quyên góp xây dựng các quỹ học bổng dành cho học sinh nghèo hiếu học, ... đồng thời, có những đóng góp thiết thực chung tay đẩy lùi dịch bệnh Covid-19.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn thử thách, đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch covid-19 nhưng công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc vẫn thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, sản phẩm, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, thị trường trọng điểm của Công ty tiếp tục được giữ vững. Đặc biệt, Ban Tổng giám đốc đã đề ra và thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 tại Công ty, tổ chức sản xuất theo phương châm ‘3 tại chỗ’, vừa sản xuất kinh doanh vừa phòng, chống dịch, đảm bảo sức khỏe cho người lao động, đồng thời đáp ứng nhu cầu hàng hóa của bà con nông dân.

Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, tiếp tục được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.

Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

Các dự án đầu tư được Tổng giám đốc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty.



Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình, đưa ra những định hướng phát triển, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Tổ chức hoạch định chiến lược phát triển thị trường, trong đó tập trung các giải pháp để giữ vững thị trường trọng điểm, phát triển thị trường nước ngoài; nghiên cứu các cơ chế để tiến hành phân khúc thị trường, phân khúc sản phẩm trong hệ thống Công ty Mẹ - Công ty Con sử dụng thương hiệu “Phân bón Đầu Trâu”, tránh việc cạnh tranh lẫn nhau trên thị trường.

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Theo dõi sát diễn biến của chính sách tiền tệ nhằm đưa ra kế hoạch luân chuyển, sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các nội dung, các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Xem xét, đánh giá kỹ các dự án đầu tư xây dựng trước khi quyết định nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn. Tăng cường công tác khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của bà con nông dân, phù hợp với định hướng phát triển ngành nông nghiệp của Chính phủ.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của Công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển.

Tiếp tục kiện toàn quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao.



V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Nhân sự Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 bầu ngày 24/6/2020 gồm:

1- Ông Bùi Thế Chuyên: Chủ tịch HĐQT

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 14.292.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 25%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn hóa chất Việt Nam
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (đã từ nhiệm ngày 29/04/2021)
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty CP DAP số 2- Vinachem

2- Ông Ngô Văn Đông: Thành Viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 11.433.600 cổ phần chiếm tỷ lệ 20%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Lâm Đồng
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Quảng trị
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Mekong
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An

3- Ông Lê Quốc Phong: Thành Viên HĐQT

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 163.440 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,29%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SX và KD phân bón Bình Điền II
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định
 - o Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình

4- Ông Đỗ Quang Huy: Thành viên HĐQT

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 11.433.600 cổ phần chiếm tỷ lệ 20%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Chuyên viên kế hoạch kinh doanh Tập Đoàn hóa chất Việt Nam

5- Ông Mai Thành Phụng: Thành viên HĐQT độc lập



- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác: không

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành các phiên họp thường kỳ và tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, ban hành 19 nghị quyết, 8 quyết định để quản lý, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty, các nội dung đều được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%. Các vấn đề chủ yếu được thông qua bao gồm:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|-----------|--|
| 1 | 02/NQ-HĐQT | 03/3/2021 | Thông qua quyết toán tiền lương 2020 và kế hoạch lao động tiền lương 2021 |
| 2 | 05/NQ-HĐQT | 09/3/2021 | Thông qua KQKD năm 2020 và kế hoạch Q1-2021; Chốt danh sách cổ đông Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty |
| 3 | 06/NQ-HĐQT | 09/3/2021 | Thông qua ký kết hợp đồng giữa Công ty với các doanh nghiệp có liên quan năm 2021 |
| 4 | 07/NQ-HĐQT | 09/3/2021 | Thông qua công tác Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại các công ty con |
| 5 | 08/NQ-HĐQT | 09/3/2021 | Thông qua định mức tiêu hao nguyên vật liệu sản xuất năm 2021 |
| 6 | 09/QĐ-HĐQT | 09/3/2021 | Quyết định thông qua định mức tiêu hao nguyên vật liệu sản xuất năm 2021 |
| 7 | 10/NQ-HĐQT | 09/3/2021 | Thông qua Kế hoạch quy hoạch cán bộ giai đoạn từ 2021 - 2026 |
| 8 | 11/QĐ-HĐQT | 09/3/2021 | Quyết định ban hành Kế hoạch quy hoạch cán bộ chủ chốt |
| 9 | 12/NQ-HĐQT | 09/3/2021 | Thông qua phí thương hiệu tại các Công ty con; thông qua quy trình bổ nhiệm lại Phó TGD; |
| 10 | 21/NQ-HĐQT | 23/3/2021 | Chỉ đạo người đại diện vốn thực hiện nhiệm vụ tại các Công ty con |
| 11 | 21A/NQ-HĐQT | 23/3/2021 | Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026 |



| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 12 | 28/NQ-HĐQT | 06/4/2021 | Thông qua hạn mức tín dụng năm 2021 |
| 13 | 29/NQ-HĐQT | 06/4/2021 | Thông qua chi phí kinh doanh tiếp thị năm 2021 |
| 14 | 30/NQ-HĐQT | 06/4/2021 | Thông qua chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty |
| 15 | 39/NQ-HĐQT | 12/4/2021 | Giao chức trách nhiệm vụ cho Phó TGD Công ty |
| 16 | 40/QĐ-HĐQT | 12/4/2021 | Giao chức trách nhiệm vụ cho Phó TGD Công ty |
| 17 | 45/NQ-HĐQT | 21/5/2021 | - Thông qua kế hoạch kinh doanh Quý 2-2021 - Bổ nhiệm lại Phó TGD Công ty - Lựa chọn đơn vị kiểm toán - Chốt danh sách cổ đông trả cổ tức |
| 18 | 46/QĐ-HĐQT | 21/5/2021 | Bổ nhiệm lại Phó TGD Công ty |
| 19 | 47/NQ-HĐQT | 21/5/2021 | Chỉ đạo người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Bình Điền MeKong |
| 20 | 48/NQ-HĐQT | 21/5/2021 | Thông qua hạn mức tồn kho nguyên vật liệu tối đa; Kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu |
| 21 | 49/QĐ-HĐQT | 21/5/2021 | Quyết định hạn mức tồn kho nguyên vật liệu tối đa |
| 22 | 50/NQ-HĐQT | 21/5/2021 | Thông qua Kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu năm 2021 |
| 23 | 51/QĐ-HĐQT | 21/5/2021 | Chỉ đạo Người đại diện vốn tại Bình Điền Mekong |
| 24 | 52/NQ-HĐQT | 24/9/2021 | Thông qua Danh sách Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, Quản lý Công ty cổ phần phân bón Bình Điền |
| 25 | 53/QĐ-HĐQT | 24/9/2021 | Phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty giai đoạn 2021-2026 |
| 26 | 54/QĐ-HĐQT | 24/9/2021 | Phê duyệt quy hoạch cán bộ quản lý Công ty giai đoạn 2021-2026 |
| 27 | 55/NQ-HĐQT | 22/12/2021 | Thông qua nhập hạn mức tín dụng tại BIDV Hàm Nghi về BIDV Bến Nghé |



d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập thực hiện việc giám sát, tham gia ý kiến các hoạt động của HĐQT và có một số đánh giá giám sát như sau:

Năm 2021, hoạt động của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ, lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; trình tự, thủ tục tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị, gán trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị trong lĩnh vực được phân công, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các cơ chế, chính sách, nghị quyết của Hội đồng quản trị được soát xét kỹ lưỡng trước khi ban hành, sát với tình hình thực tế hoạt động của Công ty, mang lại hiệu quả cao.

Hội đồng quản trị đã tăng cường công tác giám sát trên các mặt hoạt động của Công ty, tăng cường công tác quản trị nội bộ, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2021.

- e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** Các thành viên Hội đồng quản trị chưa tham gia các chương trình về quản trị Công ty do UBCKNN tổ chức. Tuy nhiên trong năm Công ty cũng có tham gia các buổi cập nhật thông tin, phổ biến các quy định mới liên quan đến quản trị Công ty của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM và các tổ chức khác.





2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

- Thông tin về Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là TV.BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|-----------------|------------|------------------------|--|
| 01 | Trương Minh Phú | Trưởng ban | 24/6/2020 | Thạc sỹ tài chính |
| 02 | Nguyễn Huy Hiếu | Thành viên | 24/6/2020 | Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Luật, Chứng chỉ kế toán tổng hợp |
| 03 | Quản Đình Gang | Thành viên | 24/6/2020 | Cử nhân kinh tế |

- Cuộc họp Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|-----------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 01 | Trương Minh Phú | 4/4 | 100% | 100% |
| 02 | Nguyễn Huy Hiếu | 4/4 | 100% | 100% |
| 03 | Quản Đình Gang | 4/4 | 100% | 100% |

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) của công ty có 3 thành viên. Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty. Các công việc cụ thể đã thực hiện:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành công ty.

- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua ngày 28/4/2021.

- Tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Xem xét tính hợp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, và Ban Tổng giám đốc; kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.



Kiểm tra việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, qua đó đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, kịp thời của công tác quản lý, điều hành Công ty.

Thẩm định các báo cáo tài chính quý và năm, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2021 của Công ty.

Kiến nghị, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả và an toàn vốn trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Tổng thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

| Stt | Họ tên | Chức vụ | Mức thu nhập (VNĐ) |
|-----|-----------------|--------------------------------|--------------------|
| 1 | Bùi Thế Chuyên | Chủ tịch HĐQT | 106.000.000 |
| 2 | Ngô Văn Đông | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | 757.550.860 |
| 3 | Lê Quốc Phong | Thành viên HĐQT | 328.260.000 |
| 4 | Đỗ Quang Huy | Thành viên HĐQT | 77.000.000 |
| 5 | Mai Thành Phụng | Thành viên HĐQT | 77.555.000 |
| 6 | Nguyễn Minh Sơn | Phó Tổng giám đốc | 602.916.491 |
| 7 | Võ Văn Phú | Phó Tổng giám đốc | 610.700.491 |
| 8 | Trần Tấn Sơn | Kế toán trưởng | 557.351.579 |

Các khoản thu nhập trên bao gồm: Lương, thù lao HĐQT, thu nhập từ cổ tức, thưởng Ban điều hành.

- Tổng thu nhập của Ban kiểm soát

Năm 2021, các Kiểm soát viên đã nhận thù lao theo mức được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, cụ thể:

- Trưởng Ban Kiểm soát: không hưởng thù lao mà hưởng lương theo chế độ chuyên trách theo quy định của pháp luật.

- Các Kiểm soát viên:

4.000.000 đồng/người/tháng x 02 người x 12 tháng = 96.000.000 đồng.

Tổng mức thù lao của Ban Kiểm soát năm 2021: 96.000.000 đồng.



| Stt | Họ tên | Chức vụ | Mức thu nhập (VNĐ) |
|-----|-----------------|----------------------|--------------------|
| 1 | Trương Minh Phú | Trưởng Ban kiểm soát | 548.063.579 |
| 2 | Nguyễn Huy Hiếu | Thành viên BKS | 53.000.000 |
| 3 | Quảng Đình Gang | Thành viên BKS | 53.555.000 |

Các khoản thu nhập trên bao gồm: Lương, thù lao BKS, thưởng Ban điều hành.

- b. **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Trong năm 2021 người nội bộ Công ty không phát sinh các giao dịch cổ phiếu.
- c. **Hợp đồng giao dịch với người nội bộ:** Trong năm 2021 không phát sinh hợp đồng hay thỏa thuận giao dịch giữa người nội bộ và Công ty.
- d. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.**

Công ty cổ phần phân bón Bình Điền là công ty đại chúng, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập là tuân thủ theo quy định của luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các quy định khác có liên quan với mục tiêu đảm bảo và cân bằng quyền và lợi ích của công ty, người quản lý và cổ đông, người lao động và cả khách hàng. Trong năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua chỉnh sửa điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị để phù hợp với các quy định được thay đổi của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán, nội dung chỉnh sửa đã được công bố đầy đủ trên website của Công ty. Hiện nay, Công ty có trưởng ban là người chuyên trách làm việc tại Công ty nên trong những năm qua đã thực hiện tốt việc rà soát các nghiệp vụ, hoạt động của Công ty theo đúng định. Năm 2022, Công ty sẽ thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ trong Công ty.

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

1. Ý kiến kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2021 được kiểm toán và đăng tải đầy đủ trên website: www.binhdien.com. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 được đính kèm theo Báo cáo thường niên năm 2021.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 03 năm 2022



Tổng Giám Đốc

Ngô Văn Đông



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 8 – 9 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 10 – 52 |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Ông Bùi Thế Chuyên | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Quang Huy | Thành viên |
| Ông Ngô Văn Đông | Thành viên |
| Ông Lê Quốc Phong | Thành viên |
| Ông Mai Thành Phụng | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Ông Trương Minh Phú | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Huy Hiếu | Thành viên |
| Ông Quán Đình Gang | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|-------------------|
| Ông Ngô Văn Đông | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Minh Sơn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Võ Văn Phú | Phó Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Số: 76 /2022/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022 từ trang 05 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

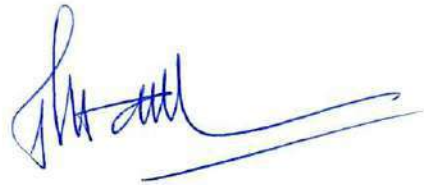
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thụy Nhã Vy
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1875-2018-026-1
(Theo giấy ủy quyền số 06/2021-22/UQ-RSM ngày
01 tháng 10 năm 2021)

Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3527-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 01/01/2021 |
|--|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 3.044.872.410.581 | 2.209.650.012.192 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 243.941.623.517 | 419.558.739.639 |
| 1. Tiền | 111 | | 243.941.623.517 | 319.558.739.639 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 100.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 4.2 | 3.000.000.000 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 3.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 230.761.683.389 | 568.497.588.655 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.3 | 209.162.551.480 | 514.705.738.543 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 4.4 | 36.780.475.664 | 52.245.821.699 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.5 | 10.202.154.470 | 12.987.347.965 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 4.6 | (25.383.498.225) | (11.441.319.552) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 4.7 | 2.534.995.187.662 | 1.184.666.131.961 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.534.995.187.662 | 1.184.666.131.961 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 32.173.916.013 | 36.927.551.937 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 4.8 | 6.354.573.941 | 1.568.934.643 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 22.404.796.669 | 19.186.191.962 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 4.14 | 3.414.545.403 | 16.172.425.332 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 809.207.653.298 | 847.045.000.921 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.939.963.170 | 3.737.502.545 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 4.5 | 3.939.963.170 | 3.737.502.545 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 750.781.887.608 | 760.196.091.356 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.9 | 516.723.036.889 | 528.181.039.366 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.130.630.303.185 | 1.058.876.079.911 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (613.907.266.296) | (530.695.040.545) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | 3.209.738.865 | - |
| Nguyên giá | 225 | | 3.725.011.250 | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (515.272.385) | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.10 | 230.849.111.854 | 232.015.051.990 |
| Nguyên giá | 228 | | 240.947.943.857 | 240.906.398.857 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (10.098.832.003) | (8.891.346.867) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 31.983.098.544 | 58.939.447.625 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 4.11 | 31.983.098.544 | 58.939.447.625 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.2 | 6.705.619.243 | 7.335.430.278 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 11.661.918.871 | 11.661.918.871 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (4.956.299.628) | (4.326.488.593) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 15.797.084.733 | 16.836.529.117 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.8 | 4.066.189.333 | 8.927.778.287 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 11.730.895.400 | 7.908.750.830 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 3.854.080.063.879 | 3.056.695.013.113 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 01/01/2021 |
|--|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2.492.109.264.299 | 1.849.444.802.121 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.441.142.622.433 | 1.734.668.452.072 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.12 | 629.758.442.455 | 341.844.544.404 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 4.13 | 85.251.014.258 | 38.857.227.767 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.14 | 135.226.277.085 | 124.206.722.665 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 79.357.131.090 | 60.178.086.203 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 4.15 | 91.217.788.814 | 76.971.195.772 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 4.16 | 14.542.168.568 | 15.713.165.384 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 4.17 | 1.375.430.896.184 | 1.061.758.106.423 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 3.700.000.000 | - |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 26.658.903.979 | 15.139.403.454 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 50.966.641.866 | 114.776.350.049 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | 19.664.706.000 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 4.17 | 50.966.641.866 | 95.111.644.049 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.361.970.799.580 | 1.207.250.210.992 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.18 | 1.361.970.799.580 | 1.207.250.210.992 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 571.679.930.000 | 571.679.930.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 571.679.930.000 | 571.679.930.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 24.230.059.200 | 24.230.059.200 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 198.737.353.844 | 194.873.658.391 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 13.191.833.055 | 13.191.833.055 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 280.995.788.915 | 171.608.411.055 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 62.039.098.147 | 67.054.365.603 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 218.956.690.768 | 104.554.045.452 |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 273.135.834.566 | 231.666.319.291 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 3.854.080.063.879 | 3.056.695.013.113 |



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Trần Tấn Sơn
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Hùng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-------|--------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 7.882.004.656.693 | 5.521.825.143.496 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 5.2 | 139.208.172.380 | 103.432.529.053 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 7.742.796.484.313 | 5.418.392.614.443 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.3 | 6.837.873.044.540 | 4.663.281.634.179 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 904.923.439.773 | 755.110.980.264 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.4 | 7.233.668.219 | 7.230.733.221 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.5 | 87.169.294.707 | 106.267.481.248 |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | 58.445.155.026 | 82.303.254.740 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 5.6 | 291.714.253.578 | 309.734.470.623 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.7 | 164.574.775.238 | 148.482.664.003 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 368.698.784.469 | 197.857.097.611 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 3.220.008.782 | 3.719.449.144 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 687.790.257 | 1.398.385.080 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 2.532.218.525 | 2.321.064.064 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 371.231.002.994 | 200.178.161.675 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.9 | 78.296.619.119 | 37.040.648.620 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 5.10 | (3.822.144.570) | (2.802.174.100) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 296.756.528.445 | 165.939.687.155 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 219.558.951.179 | 133.177.097.180 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 77.197.577.266 | 32.762.589.975 |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 4.18.4 | 3.457 | 2.097 |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 4.18.5 | 3.457 | 2.097 |



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Trần Tấn Sơn
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Hùng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-----------|------|--------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 371.231.002.994 | 200.178.161.675 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 5.8 | 93.144.849.009 | 83.477.440.802 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 16.508.166.315 | 4.487.570.548 |
| (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 1.042.619.035 | (138.894.597) |
| (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | 628.319.088 | (1.537.545.130) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 5.5 | 58.445.155.026 | 82.303.254.740 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 541.000.111.467 | 368.769.988.038 |
| Giảm các khoản phải thu | 09 | | 404.450.409.383 | 170.728.529.136 |
| (Tăng), giảm hàng tồn kho | 10 | | (1.350.329.055.701) | 162.437.249.455 |
| Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 274.952.746.853 | (98.204.705.392) |
| Giảm chi phí trả trước | 12 | | 75.949.656 | 3.012.185.066 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (58.259.794.565) | (87.711.248.336) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 4.14 | (55.190.372.169) | (54.110.913.394) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 352.980.000 | 40.000.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (16.951.576.832) | (15.281.466.203) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (259.898.601.908) | 449.679.618.369 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (69.483.804.797) | (88.110.271.349) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 303.636.364 | 46.279.924.125 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (3.000.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 24.346.512.059 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 21.287.695.300 | 2.520.713.290 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (50.892.473.133) | (14.963.121.874) |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|-----------|------------|--------------------------|--------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 6.1 | 4.119.065.192.093 | 3.031.624.619.422 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 6.2 | (3.849.176.654.515) | (3.349.607.397.731) |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (360.750.000) | - |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (134.407.368.500) | (94.417.363.600) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 135.120.419.078 | (412.400.141.909) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | | (175.670.655.963) | 22.316.354.586 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 419.558.739.639 | 397.285.452.396 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 53.539.841 | (43.067.343) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 70 | 4.1 | 243.941.623.517 | 419.558.739.639 |



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Trần Tấn Sơn
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Hùng
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xi nghiệp phân bón Bình Điền II, trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 ngày 25 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Ngày 27 tháng 08 năm 2015, Công ty chính thức được cấp giấy phép giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 384/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07 tháng 10 năm 2015, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 571.679.930.000 VND.

Trụ sở chính đăng kí hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào 05 công ty con như được trình bày ở mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2021 là Nhà máy phân bón Bình Điền Long An được đặt tại khu công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2021 là 1.234 nhân viên (tại ngày 31/12/2020 là 1.245 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2021, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 05 công ty con trực tiếp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất**

| STT | Tên | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|------------|---|--|-------------------------------|----------------------|
| 1. | Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An | Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, Xã Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam. | 100% | 100% |
| 2. | Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng | Quốc lộ 20, Xã Hiệp Thạnh, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng. | 51% | 51% |
| 3. | Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong | Lô A10.1, Đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh. | 51% | 51% |
| 4. | Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị | Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị | 51% | 51% |
| 5. | Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình | Khu công nghiệp Khánh Phú, Xã Khánh Phú, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình | 51% | 51% |

1.7. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2021, do tình hình giá nguyên liệu trong nước cũng như trên thế giới tiếp tục ở mức cao nên giá bán các sản phẩm của Tập đoàn tăng theo làm cho doanh thu hợp nhất của Tập đoàn tăng hơn 42,7% so với năm trước. Đồng thời, Tập đoàn đã tiết giảm nhiều chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh làm cho lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng lần lượt là 19,8% và 78,8% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cả năm 2021 tăng 78,8% nguyên nhân chủ yếu do sản lượng bán ra trong năm 2021 tăng đồng thời doanh nghiệp cũng tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh so với năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Phương pháp xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ

Tại thời điểm nắm quyền kiểm soát công ty con, lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của những tài sản thuần có thể xác định của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm. Lãi từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận là thu nhập khác khi phát sinh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 30 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 07 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất được trình bày tại mục 4.10 dưới đây. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 07 – 10 năm.

Giấy phép nhượng quyền thương hiệu

Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm có được giấy phép nhượng quyền. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------|--------|
| ▪ Phương tiện vận tải | 07 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 03 năm |

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là không quá 36 tháng.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phân bón: Không chịu thuế;
- Khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 3.056.416.706 | 3.054.934.007 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 240.885.206.811 | 316.503.805.632 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 100.000.000.000 |
| Cộng | 243.941.623.517 | 419.558.739.639 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

| Tại ngày 31/12/2021 | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|---------------------|----------------|---------------------|----------------|
| VND | | VND | |
| Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |

Ngắn hạn:

Tiền gửi có kỳ hạn

3.000.000.000

-

-

Tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Phú Nhuận với lãi suất 4,79%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2021

VND

| Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
|---------|----------------|----------|---------|----------------|----------|
|---------|----------------|----------|---------|----------------|----------|

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Du

lich Sài Gòn – Đông Hà

11.661.918.871

-

(4.956.299.628)

11.661.918.871

-

(4.326.488.593)

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Vận tải Tiến Thành | 25.854.788.722 | 18.452.839.849 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thái Sơn | 19.063.843.688 | 23.042.035 |
| Công ty TNHH Yetak – Cambodia | 13.025.042.793 | 91.723.598.521 |
| Các khách hàng khác | 151.218.876.277 | 404.506.258.138 |
| Cộng | <u>209.162.551.480</u> | <u>514.705.738.543</u> |

Tại ngày 31/12/2021, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối năm với giá trị là 166.455.576.322 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước cho người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 8 | 7.269.988.585 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thành Nhiên | 3.295.600.000 | - |
| Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và XD Việt Thành | 5.554.611.964 | - |
| Công ty TNHH Cơ khí & Thiết Bị Việt Khang | 6.601.906.000 | 2.244.640.500 |
| Trả trước cho người bán khác | 14.058.369.115 | 50.001.181.199 |
| Cộng | <u>36.780.475.664</u> | <u>52.245.821.699</u> |

Tại ngày 31/12/2021, trả trước cho người bán khác ngắn hạn có số dư mỗi người bán dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

| | Tại ngày 31/12/2021 | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm mục 8 | 816.998.350 | - | 816.998.350 | - |
| Các khoản tạm ứng của nhân viên | 3.696.500.117 | - | 3.199.438.897 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 5.688.656.003 | - | 8.970.910.718 | - |
| Cộng | 10.202.154.470 | - | 12.987.347.965 | - |
| Dài hạn: | | | | |
| Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm mục 8 | 3.737.502.545 | - | 3.737.502.545 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 202.460.625 | - | - | - |
| Cộng | 3.939.963.170 | - | 3.737.502.545 | - |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỆN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | | Tại ngày 01/01/2021 VND | |
|---|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thu hồi hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 35.296.305.783 | 9.912.807.558 | 18.492.900.264 | 7.051.580.712 |

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | | Tại ngày 01/01/2021 VND | |
|--|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Hùng Tiến | 13.837.505.762 | 6.598.943.729 | - | - |
| Công ty TNHH Ozone Bolaven Agrow | 8.055.836.446 | 1.785.979.470 | 9.314.240.446 | 5.798.819.727 |
| Công ty TNHH Hoa Tường | 3.364.075.368 | - | 3.364.075.368 | 830.382.000 |
| CBF Coffee | 2.461.300.000 | 529.200.000 | - | - |
| Công ty TNHH T&T | 1.228.853.917 | 368.656.175 | - | - |
| Hộ kinh doanh Đại lý Tân Cường Thịnh | 809.826.581 | - | 954.096.450 | 116.573.485 |
| Anh Xuân – Tiền Giang | 827.267.218 | - | 827.267.218 | - |
| Công ty Xuất Nhập Khẩu Mỵsavanmyta | 761.800.000 | - | 761.800.000 | - |
| TTDN & HTND Tỉnh Lâm Đồng - HND Xã Ninh Gia | 611.611.010 | 305.805.510 | 611.611.010 | 305.805.500 |
| Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hòa Lào | 551.000.000 | - | 701.000.000 | - |
| Ban tự quản Buôn Eana | 438.623.835 | - | 438.623.835 | - |
| Các đối tượng khác | 2.348.605.646 | 324.222.674 | 1.520.185.937 | - |
| Cộng | 35.296.305.783 | 9.912.807.558 | 18.492.900.264 | 7.051.580.712 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

| | Tại ngày 31/12/2021 | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|-------------------------------------|---------------------------------|----------|---------------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.682.794.971.931 | - | 721.732.524.996 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 19.962.982.216 | - | 10.243.049.079 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 87.620.965.761 | - | 38.732.406.152 | - |
| Thành phẩm | 728.329.219.027 | - | 396.776.093.517 | - |
| Hàng hóa | 16.287.048.727 | - | 12.061.518.565 | - |
| Hàng gửi đi bán | - | - | 5.120.539.652 | - |
| Cộng | <u>2.534.995.187.662</u> | - | <u>1.184.666.131.961</u> | - |

Giá trị hàng tồn kho cuối năm với giá trị 1.121.690.444.867 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

4.8. Chi phí trả trước

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị | 4.451.455.556 | - |
| Công cụ dụng cụ | 21.535.098 | 1.160.116.653 |
| Các khoản khác | 1.881.583.287 | 408.817.990 |
| Cộng | <u>6.354.573.941</u> | <u>1.568.934.643</u> |
| Dài hạn: | | |
| Chi phí sửa chữa, bảo trì | 616.000.000 | 6.571.424.945 |
| Các khoản khác | 3.450.189.333 | 2.356.353.342 |
| Cộng | <u>4.066.189.333</u> | <u>8.927.778.287</u> |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định hữu hình khác VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---|-------------------------------------|---|--------------------------|
| Nguyên giá: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 609.339.525.007 | 377.583.152.596 | 49.393.155.179 | 7.288.717.585 | 15.271.529.544 | 1.058.876.079.911 |
| Mua trong năm | 9.707.720.400 | 3.029.016.200 | 2.908.016.636 | 1.688.438.000 | 156.333.000 | 17.489.524.236 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 7.267.139.930 | 56.556.942.134 | 11.390.320 | - | - | 63.835.472.384 |
| Thanh lý, nhượng bán | (274.625.166) | (9.063.420.907) | (200.000.000) | - | - | (9.538.046.073) |
| Xóa sổ | - | - | - | (32.727.273) | - | (32.727.273) |
| Tại ngày 31/12/2021 | 626.039.760.171 | 428.105.690.023 | 52.112.562.135 | 8.944.428.312 | 15.427.862.544 | 1.130.630.303.185 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 268.688.177.783 | 212.466.263.290 | 34.175.970.538 | 5.170.508.926 | 10.194.120.008 | 530.695.040.545 |
| Khấu hao trong năm | 43.027.264.486 | 40.578.313.385 | 5.020.301.414 | 906.213.136 | 2.105.766.773 | 91.637.859.194 |
| Thanh lý, nhượng bán | (274.625.166) | (7.984.582.363) | (133.698.641) | - | - | (8.392.906.170) |
| Xóa sổ | - | - | - | (32.727.273) | - | (32.727.273) |
| Tại ngày 31/12/2021 | 311.440.817.103 | 245.059.994.312 | 39.062.573.311 | 6.043.994.789 | 12.299.886.781 | 613.907.266.296 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 340.651.347.224 | 165.116.889.306 | 15.217.184.641 | 2.118.208.659 | 5.077.409.536 | 528.181.039.366 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 314.598.943.068 | 183.045.695.711 | 13.049.988.824 | 2.900.433.523 | 3.127.975.763 | 516.723.036.889 |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 339.020.784.621 VND đã được dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 169.006.087.647 VND.

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm VND | Giấy phép nhượng quyền VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 239.185.913.057 | 1.396.085.800 | 324.400.000 | 240.906.398.857 |
| Mua trong năm | - | 41.545.000 | - | 41.545.000 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 239.185.913.057 | 1.437.630.800 | 324.400.000 | 240.947.943.857 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 7.657.872.807 | 1.067.818.507 | 165.655.553 | 8.891.346.867 |
| Khấu hao trong năm | 1.034.195.740 | 65.156.064 | 108.133.332 | 1.207.485.136 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 8.692.068.547 | 1.132.974.571 | 273.788.885 | 10.098.832.003 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 231.528.040.250 | 328.267.293 | 158.744.447 | 232.015.051.990 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 230.493.844.510 | 304.656.229 | 50.611.115 | 230.849.111.854 |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 29.459.512.484 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.392.408.256 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/08/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này, trong năm 2019, Tập đoàn đã di dời, không còn hoạt động trên khu đất này.
- Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.
- Quyền sử dụng 30.317,9 m² đất thuê (Thửa số 856; Tờ bản đồ số 26 (đo năm 2016) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 461065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2020. Quyền sử dụng này đã được thế chấp cho Hợp đồng tín dụng số 179DN/2020-HĐCVHM/NHCT620-CTY BINH DIEN ngày 03/08/2020 – Xem thêm mục 4.17.
- Quyền sử dụng 87.400 m² đất thuê (thuộc TK 278B (thửa số 2); tờ bản đồ số 100002), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010541 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/03/2010. Quyền sử dụng này đã được thế chấp cho Hợp đồng cấp tín dụng số 0033A/TDN/20LD ngày 24/02/2021 – Xem thêm mục 4.17.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 560264, CO 560265 tại Lô A10.1 đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31/07/2014. Quyền sử dụng này đã được thế chấp cho Hợp đồng thế chấp bất động sản số 160240025/HĐTC ngày 25/02/2016 – Xem thêm mục 4.17.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 560468 tại Lô A10.1 đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp mới gần nhất là ngày 14/06/2019. Quyền sử dụng này đã được thế chấp cho Hợp đồng thế chấp bất động sản số 180580192/2018/HĐBĐ/NHCT923 ngày 12/07/2018 – Xem thêm mục 4.17.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Các hạng mục của Nhà máy Bình Điền tại TP. Hồ Chí Minh và Long An | 20.527.543.944 | 15.378.132.694 |
| Các hạng mục của Nhà máy Bình Điền – Ninh Bình | 10.754.564.000 | 42.382.342.131 |
| Các hạng mục của Nhà máy Bình Điền – Lâm Đồng | 385.300.000 | 385.300.000 |
| Các hạng mục của Nhà máy Bình Điền – Quảng Trị | 315.690.600 | 793.672.800 |
| Cộng | 31.983.098.544 | 58.939.447.625 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 10.754.564.000 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | | Tại ngày 01/01/2021 VND | |
|---|----------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho các bên liên quan | - | - | 15.429.684.155 | 15.429.684.155 |
| Phải trả cho người bán: | | | | |
| Công ty TNHH TM Thủy Ngân | 41.907.252.500 | 41.907.252.500 | - | - |
| Công ty TNHH Nguyễn Phan | 131.192.715.120 | 131.192.715.120 | 29.805.247.900 | 29.805.247.900 |
| Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh | 82.343.054.500 | 82.343.054.500 | 1.536.000.000 | 1.536.000.000 |
| Công ty TNHH TM DV Thái Sơn | 59.142.754.200 | 59.142.754.200 | 87.971.974.897 | 87.971.974.897 |
| Các nhà cung cấp khác | 315.172.666.135 | 315.172.666.135 | 207.101.637.452 | 207.101.637.452 |
| Cộng | 629.758.442.455 | 629.758.442.455 | 341.844.544.404 | 341.844.544.404 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phải trả các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư phải trả mỗi nhà cung cấp nhỏ hơn 10% tổng số dư phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | | Tại ngày 01/01/2021 VND | |
|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH Hồng Nhung | 12.113.586.000 | - | - | - |
| Các khách hàng khác | 73.137.428.258 | 73.137.428.258 | 38.857.227.767 | 38.857.227.767 |
| Cộng | 85.251.014.258 | 85.251.014.258 | 38.857.227.767 | 38.857.227.767 |

Tại ngày 31/12/2021, các khoản trả tiền trước của các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng nhỏ hơn 10% tổng số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

| | Tại ngày 31/12/2021 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|-----------------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | Phải nộp | Đã nộp | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | 23.941.974 | 998.066.528 | 5.582.297.487 | 5.074.320.994 | 23.941.975 | 490.090.035 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | - | 309.116.500 | 309.116.500 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.269.698.984 | 18.249.729.945 | 78.296.619.118 | 55.190.372.169 | 15.966.338.652 | 7.840.122.664 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 120.904.445 | 1.290.859.957 | 8.684.046.951 | 8.520.836.045 | 182.144.705 | 1.188.889.311 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | - | 2.471.807.482 | 2.471.807.482 | - | - |
| Các loại thuế, phí và lệ phí khác | - | 114.687.620.655 | 62.288.450 | 62.288.450 | - | 114.687.620.655 |
| Cộng | 3.414.545.403 | 135.226.277.085 | 95.406.175.988 | 71.628.741.640 | 16.172.425.332 | 124.206.722.665 |

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý | 89.646.398.793 | 75.881.281.404 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.571.390.021 | 1.089.914.368 |
| Cộng | 91.217.788.814 | 76.971.195.772 |

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 2.797.934.599 | 2.489.839.392 |
| BHXH, BHYT, BHTN | 324.518.199 | 1.609.509.070 |
| Chiết khấu cho đại lý | 4.819.138.565 | 4.897.291.957 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 6.600.577.205 | 6.716.524.965 |
| Cộng | 14.542.168.568 | 15.713.165.384 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C-12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2021 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|--|---------------------|-----------------------|-----------------|-----------------|---------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng: | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây – TP. HCM | 44.177.623.300 | 44.177.623.300 | 44.177.623.300 | 13.399.122.300 | 13.399.122.300 | 13.399.122.300 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé | 114.059.932.500 | 114.059.932.500 | 372.879.562.570 | 304.928.281.570 | 46.108.651.500 | 46.108.651.500 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN TP. HCM | 138.207.799.300 | 138.207.799.300 | 510.647.175.000 | 451.924.710.900 | 79.485.335.200 | 79.485.335.200 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM | - | - | 34.676.420.000 | 57.566.410.000 | 22.889.990.000 | 22.889.990.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. HCM | 185.791.332.884 | 185.791.332.884 | 403.036.546.084 | 478.500.193.820 | 261.254.980.620 | 261.254.980.620 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | 143.562.042.900 | 143.562.042.900 | 249.175.527.200 | 173.143.495.633 | 67.530.011.333 | 67.530.011.333 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C-12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

| | Tại ngày 31/12/2021 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|---|---------------------|-----------------------|-----------------|-----------------|---------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Ngân hạn (tiếp theo): | | | | | | |
| Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP. HCM | 541.125.000 | 541.125.000 | 541.125.000 | - | - | - |
| Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng | 49.255.928.848 | 49.255.928.848 | 107.056.281.648 | 73.175.888.226 | 15.375.535.426 | 15.375.535.426 |
| Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 58.022.469.295 | 74.069.991.824 | 26.047.522.529 | 26.047.522.529 |
| Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn | 89.427.477.139 | 89.427.477.139 | 306.047.079.795 | 326.619.602.656 | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

| | Tại ngày 31/12/2021 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|---|---------------------|-----------------------|-----------------|-----------------|---------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Ngắn hạn (tiếp theo): | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | 24.868.743.540 | 24.868.743.540 | 88.581.396.355 | 102.602.431.031 | 38.889.778.216 | 38.889.778.216 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 6.489.289.746 | 6.489.289.746 | 6.489.289.746 | 3.063.400.000 | 3.063.400.000 | 3.063.400.000 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị | 72.390.151.600 | 72.390.151.600 | 309.976.341.275 | 355.659.343.272 | 118.073.153.597 | 118.073.153.597 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Quảng Trị | 18.121.350.649 | 18.121.350.649 | 67.237.041.829 | 69.065.691.180 | 19.950.000.000 | 19.950.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Quảng Trị | 18.870.564.031 | 18.870.564.031 | 86.588.034.943 | 82.135.886.912 | 14.418.416.000 | 14.418.416.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

| | Tại ngày 31/12/2021 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hạn (tiếp theo): | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Thương Việt Nam | 309.670.102.896 | 309.670.102.896 | 1.305.332.103.698 | 1.220.934.210.504 | 225.272.209.702 | 225.272.209.702 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 119.997.458.501 | 119.997.458.501 | 119.997.458.501 | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 29.999.973.350 | 29.999.973.350 | 52.175.024.350 | 22.175.051.000 | - | - |
| Cộng | 1.375.430.896.184 | 1.375.430.896.184 | 4.122.636.500.589 | 3.808.963.710.828 | 1.061.758.106.423 | 1.061.758.106.423 |

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỆN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021
VND

Tại ngày 01/01/2021
VND

| | Tại ngày 31/12/2021 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | 1.262.625.000 | 1.262.625.000 | 2.164.500.000 | 901.875.000 | - | - |
| Dài hạn: | | | | | | |
| Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM | 17.560.300.000 | 17.560.300.000 | - | 6.126.800.000 | 23.687.100.000 | 23.687.100.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn | 945.062.563 | 945.062.563 | 1.294.606.250 | 349.543.687 | - | - |
| Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease | (6.489.289.746) | (6.489.289.746) | (6.489.289.746) | (3.063.400.000) | (3.063.400.000) | (3.063.400.000) |
| Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả | 37.687.944.049 | 37.687.944.049 | - | 36.800.000.000 | 74.487.944.049 | 74.487.944.049 |
| Cộng | 50.966.641.866 | 50.966.641.866 | (3.030.183.496) | 41.114.818.687 | 95.111.644.049 | 95.111.644.049 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

| Thời hạn: | Năm 2021 | | Năm 2020 | |
|----------------------|---|--------------------|---|----------|
| | Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính | Lãi thuế | Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính | Lãi thuế |
| Từ 1 năm trở xuống | 1.099.355.350 | 195.740.603 | 903.614.747 | - |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 2.010.906.692 | 165.708.875 | 1.845.197.816 | - |
| Cộng | 3.110.262.042 | 361.449.478 | 2.748.812.563 | - |

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là khoản vay với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay tại mọi thời điểm không vượt quá 550.000.000 VND, nhằm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2022, với lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ, dao động trong khoảng 4,2%/năm – 5,0%/năm và là khoản vay tín chấp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là khoản vay với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 550.000.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 25 tháng 10 năm 2022, với lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ, dao động trong khoảng 4,9%/năm đối với đồng tiền Việt Nam và từ 2,0%/năm đối với ngoại tệ USD và là khoản vay tín chấp.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bến Nghé là khoản vay với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 200.000.000.000, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian duy trì hạn mức kể từ khi ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 08 năm 2022, với lãi suất được xác định theo từng khế ước cụ thể, dao động trong khoảng 4,5%/năm – 4,6%/năm và là khoản vay tín chấp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam là khoản vay với hạn mức tín dụng là 6.400.000 USD tương đương 148.608.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán thư tín dụng trả ngay, trả chậm, phát hành thư tín dụng dự phòng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2021 đến ngày 22 tháng 01 năm 2022, với lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, dao động khoảng 3,6% và là khoản vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C-12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu là khoản vay với hạn mức tín dụng là 100.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến ngày 28 tháng 10 năm 2022, với lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, dao động khoảng 4,5%/năm và là khoản vay tín chấp.
- Khoản nợ thuế tài chính của Công ty là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh TPHCM có tổng giá trị thuế là 2.164.500.000 VND, thời hạn 48 tháng, lãi suất 7,5%/năm.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng với hạn mức tín dụng là 150.000.000 VND; lãi suất theo từng lần nhận nợ; mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và được đảm bảo bằng các tài sản là Quyền sở hữu Công trình xây dựng và Quyền sử dụng thửa đất số 856 tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 461065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2020 - Xem thêm mục 4.9 và 4.10.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng với hạn mức cho vay là 100.000.000 VND; lãi suất theo từng lần nhận nợ; mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến hoạt động kinh doanh và được đảm bảo bằng các tài sản là Quyền sử dụng đất tại tiểu khu 278B, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010541 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12 tháng 03 năm 2010 - Xem thêm mục 4.10.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn với hạn mức cho vay là 150.000.000 VND; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay theo từng lần trên Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng các tài sản như sau:
 - Toàn bộ hàng hóa luân chuyển tại mọi thời điểm với giá trị không thấp hơn 70 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 150270079/HĐTC/SĐBS-04 ngày 05 tháng 02 năm 2020 - Xem thêm mục 4.7.
 - Nhà cửa, kiến trúc và máy móc thiết bị tại Nhà máy phân bón Bình Điền - Mekong tại Khu công nghiệp Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, của Công ty Cổ phần Bình Điền - Mekong theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 150270116/HĐTC ngày 08/06/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 189220173/2018/HĐBĐ/NHCT923 ngày 02 tháng 07 năm 2018 - Xem thêm mục 4.9.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là khoản vay với hạn mức cho vay là 40.000.000 VND; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay theo từng lần trên Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh và được để tại Kho hàng tại địa chỉ Lô A10.1, đường D3, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hoà, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh. Giá trị tài sản đảm bảo là hàng hoá được thế chấp vào ngày ký hợp đồng là 40.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 0093/2138/TCDN2 ngày 01 tháng 07 năm 2021 - Xem thêm mục 4.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị với hạn mức cho vay tối đa mọi thời điểm không vượt quá 120.000.000.000 VND, thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến 11 tháng 11 năm 2021. Khoản vay với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón với lãi suất cụ thể ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng các quyền tài sản theo Hợp đồng thế chấp Quyền Tài sản số 1403/2014/TCQTS ngày 14 tháng 03 năm 2014; các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2404/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 03 tháng 05 năm 2018; 02 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp Động sản số 1211-1/2019/HĐBĐ/NHCT450-BINHDIEN ngày 13 tháng 11 năm 2019; máy móc thiết bị trọn gói cho dây chuyền sản xuất phân bón NPK công suất 50.000 tấn/năm và quạt hút lọc bụi công suất 25.000 m³/h theo hợp đồng thế chấp Động sản số 1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19 tháng 11 năm 2018; toàn bộ các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm, lợi ích các khoản bồi hoàn, các khoản thanh toán khác của công ty theo Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19 tháng 11 năm 2018; Nhà xưởng sản xuất số 04 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 ngày 19 tháng 11 năm 2018; nhà xưởng số 5 theo Hợp đồng số 1211-2/2019/HĐBĐ/NHCT450-BINHDIEN ngày 13 tháng 11 năm 2019 và máy móc trọn gói cho dây chuyền sản xuất phân bón NPK công suất 70.000 tấn/năm theo hợp đồng Thế chấp Động sản số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT450-BINHDIEN ngày 13 tháng 11 năm 2019 – Xem thêm các mục 4.3; 4.7 và 4.9.
- Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị với hạn mức cho vay tối đa mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 VND, thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến 21 tháng 06 năm 2022. Khoản vay với mục đích mua nguyên, nhiên vật liệu và các chi phí lưu động khác phục vụ sản xuất, kinh doanh phân bón các loại với lãi suất cụ thể ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/TSHTTLT ngày 11 tháng 11 năm 2019 – Xem thêm mục 4.9.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị với hạn mức cho vay tối đa mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 VND, thời gian duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực. Khoản vay với mục đích bổ sung vốn lưu động - sản xuất kinh doanh phân bón với lãi suất cụ thể ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng hàng hóa lưu chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp số 29BB/HĐTC/2019 ngày 17 tháng 07 năm 2019 – Xem thêm mục 4.7.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với hạn mức cho vay là 250.000.000.000 VND; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay điều chỉnh theo từng lần động - sản xuất kinh doanh phân bón với lãi suất cho vay là 150.000.000.000 VND; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 05 tháng; lãi suất cho vay điều chỉnh theo từng lần Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng các tài sản như sau:
 - Toàn bộ hạng mục công trình gắn liền với đất thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền – Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình – Xem thêm mục 4.11.
 - Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình – Xem thêm mục 4.9.
 - Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) và các quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền - Ninh Bình. Tổng giá trị tối thiểu tương ứng với số dư tín dụng ngắn hạn tại mọi thời điểm của Công ty Cổ phần Bình Điền - Ninh Bình tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình – Xem thêm các mục 4.3 và 4.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với hạn mức cho vay là 120.000.000.000 VND; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay theo từng lần trên Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phần bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) và các quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền - Ninh Bình với tổng giá trị tài sản đảm bảo là hàng hoá và khoản phải thu được thế chấp là 120.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.3 và 4.7.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội là khoản vay với hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay theo từng lần trên Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng tiền, thẻ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, giấy tờ có giá và tài sản khác gồm bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân Đội theo từng thời kỳ.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn là khoản vay sau:
 - Khoản vay với hạn mức cho vay là 25.000.000.000 VND; mục đích vay nhằm đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền - Mekong; thời hạn vay là 96 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 560264, CO 560265 tại Lô A10.1 đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 160240025/HĐTC ngày 25/02/2016 – Xem thêm mục 4.10.
 - Khoản vay với hạn mức cho vay là 24.000.000.000 VND; mục đích vay nhằm đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền - Mekong; thời hạn vay là 96 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 560468 tại Lô A10.1 đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 180580192/2018/HĐĐ/NHCT923 ngày 12/07/2018 – Xem thêm mục 4.10.
- Khoản nợ thuế tài chính của Công ty là khoản thuế tài chính của Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease có thời hạn là 3 năm, chịu lãi suất 10,11%/năm.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là khoản vay với hạn mức cho vay là 186.000.000.000 VND; mục đích vay nhằm đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình; thời hạn vay là 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại Khu công nghiệp Khánh Phú, Xã Khánh Phú, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình – Xem thêm mục 4.9.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là khoản vay với hạn mức cho vay là 96.000.000.000 VND; mục đích vay nhằm đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình giai đoạn II - công suất 200.000 tấn/năm; thời hạn vay là 72 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ; và được đảm bảo bằng các tài sản như sau:
 - Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình – Xem thêm mục 4.9.
 - Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phần bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) – Xem thêm mục 4.7.
 - Quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền - Ninh Bình – Xem thêm mục 4.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | | | | Cộng VND |
|--|------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--|--|--|--------------------------|-------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | VND | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 571.679.930.000 | 24.230.059.200 | 182.263.351.733 | 13.191.833.055 | 131.471.170.256 | 230.603.088.122 | 1.153.439.432.366 | |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 133.177.097.180 | 32.762.589.975 | 165.939.687.155 | |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | 12.610.306.658 | - | (12.610.306.658) | - | - | |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (11.632.119.959) | (5.695.344.967) | (17.327.464.926) | |
| Chia cổ tức năm 2019 | - | - | - | - | (40.017.593.264) | (25.815.853.839) | (65.833.447.103) | |
| Tạm ứng cổ tức năm 2020 | - | - | - | - | (28.583.996.500) | - | (28.583.996.500) | |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | - | - | - | - | (195.840.000) | (188.160.000) | (384.000.000) | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 571.679.930.000 | 24.230.059.200 | 194.873.658.391 | 13.191.833.055 | 171.608.411.055 | 231.666.319.291 | 1.207.250.210.992 | |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 219.558.951.179 | 77.197.577.266 | 296.756.528.445 | |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | 3.863.695.453 | - | (3.863.695.453) | - | - | |
| Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (20.353.929.208) | (7.268.168.149) | (27.622.097.357) | |
| Chia cổ tức năm 2020 | - | - | - | - | (85.751.988.658) | (28.265.853.842) | (114.017.842.500) | |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | - | - | - | - | (201.960.000) | (194.040.000) | (396.000.000) | |
| Tại ngày 31/12/2021 | 571.679.930.000 | 24.230.059.200 | 198.737.353.844 | 13.191.833.055 | 280.995.788.915 | 273.135.834.566 | 1.361.970.799.580 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 371.592.000.000 | 371.592.000.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 200.087.930.000 | 200.087.930.000 |
| Cộng | 571.679.930.000 | 571.679.930.000 |

4.18.3. Cổ phiếu

| | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 01/01/2021 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 57.167.993 | 57.167.993 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 57.167.993 | 57.167.993 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 57.167.993 | 57.167.993 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|------------------|------------------|
| Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 219.558.951.179 | 133.177.097.180 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (21.955.895.118) | (13.317.709.718) |
| Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 197.603.056.061 | 119.859.387.462 |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm | 57.167.993 | 57.167.993 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.457 | 2.097 |

Năm nay, Tập đoàn ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.18.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|------------------|------------------|
| Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 219.558.951.179 | 133.177.097.180 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (21.955.895.118) | (13.317.709.718) |
| Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 197.603.056.061 | 119.859.387.462 |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm | 57.167.993 | 57.167.993 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 3.457 | 2.097 |

Năm nay, Tập đoàn ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

| | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 01/01/2021 |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 4.670.997,06 | 1.526.970,29 |
| EUR | 32,82 | 32,82 |

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 7.872.973.445.574 | 5.513.723.757.348 |
| Doanh thu khác | 9.031.211.119 | 8.101.386.148 |
| Cộng | 7.882.004.656.693 | 5.521.825.143.496 |

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Chiết khấu thương mại | 128.977.601.006 | 93.938.315.447 |
| Giảm giá hàng bán | 8.671.546.214 | 8.155.674.105 |
| Hàng bán trả lại | 1.559.025.160 | 1.338.539.501 |
| Cộng | 139.208.172.380 | 103.432.529.053 |

5.3. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán | 6.836.935.237.040 | 4.657.679.650.758 |
| Giá vốn khác | 937.807.500 | 5.601.983.421 |
| Cộng | 6.837.873.044.540 | 4.663.281.634.179 |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 5.887.681.220 | 4.137.654.495 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 900.094.000 | 2.555.208.289 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 445.892.999 | 537.870.437 |
| Cộng | 7.233.668.219 | 7.230.733.221 |

5.5. Chi phí tài chính

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Lãi tiền vay, lãi thuê tài chính | 58.445.155.026 | 82.303.254.740 |
| Chiết khấu thanh toán | 23.376.419.482 | 19.714.834.452 |
| Dự phòng đầu tư tài chính | 629.811.035 | - |
| Chi phí tài chính khác | 4.717.909.164 | 4.249.392.056 |
| Cộng | 87.169.294.707 | 106.267.481.248 |

5.6. Chi phí bán hàng

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng | 114.047.592.726 | 131.827.633.660 |
| Chi phí vận chuyển | 54.802.329.149 | 22.031.229.000 |
| Chi phí nhân viên | 34.388.851.612 | 23.327.550.577 |
| Chi phí khuyến mãi | 21.412.494.212 | 61.760.154.191 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 355.354.551 | 385.189.575 |
| Chi phí mua ngoài và bằng tiền khác | 66.707.631.328 | 70.402.713.620 |
| Cộng | 291.714.253.578 | 309.734.470.623 |

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 79.353.499.627 | 68.441.427.903 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 2.042.965.328 | 1.689.575.423 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.680.824.472 | 5.420.936.095 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.751.409.541 | 16.523.702.020 |
| Lợi thế thương mại | - | 235.267.566 |
| Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi | 17.642.178.673 | 3.378.217.474 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác | 57.103.897.597 | 52.793.537.522 |
| Cộng | 164.574.775.238 | 148.482.664.003 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 6.694.882.088.267 | 4.346.143.683.290 |
| Chi phí nhân công | 343.184.190.081 | 265.034.334.017 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 93.144.849.009 | 83.477.440.802 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác | 519.679.202.211 | 494.113.223.516 |
| Cộng | 7.650.890.329.568 | 5.188.768.681.625 |

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 77.158.101.503 | 41.947.972.605 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 1.138.517.616 | (4.907.323.985) |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 78.296.619.119 | 37.040.648.620 |

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | (3.822.144.570) | (2.802.174.100) |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 4.119.065.192.093 | 3.031.624.619.422 |

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|---------------------|---------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (3.849.176.654.515) | (3.349.607.397.731) |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỆN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Hoạt động khác.

Doanh thu của Tập đoàn phát sinh trong năm chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón; theo đó, Tập đoàn chỉ có một bộ phận kinh doanh là kinh doanh phân bón. Do vậy, Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Những thông tin dưới đây trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

| | <u>Nội địa</u> | | <u>Xuất khẩu</u> | | <u>Tổng cộng</u> | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 6.760.905.607.013 | 4.580.736.327.111 | 981.890.877.300 | 837.656.287.332 | 7.742.796.484.313 | 5.418.392.614.443 |
| Giá vốn hàng bán | 5.915.322.813.963 | 3.900.596.567.550 | 922.550.230.577 | 762.685.066.629 | 6.837.873.044.540 | 4.663.281.634.179 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 845.582.793.050 | 680.139.759.561 | 59.340.646.723 | 74.971.220.703 | 904.923.439.773 | 755.110.980.264 |
| Tài sản của bộ phận tại ngày 31/12 | 3.854.080.063.879 | 3.056.695.013.113 | - | - | 3.854.080.063.879 | 3.056.695.013.113 |
| Chi phí mua sắm tài sản trong năm | 69.483.804.797 | 88.110.271.349 | - | - | 69.483.804.797 | 88.110.271.349 |

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

| | |
|---|----------------------------------|
| 1. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM | Công ty cùng tập toàn |
| 3. Công ty Cổ phần DAP Số 2 –VINACHEM | Công ty cùng tập toàn |
| 4. Công ty Cổ phần VINACHEM Việt Nam | Công ty cùng tập toàn |
| 5. Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình | Công ty cùng tập toàn |
| 6. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá | Có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

| | <u>Tại ngày</u> 31/12/2021 VND | <u>Tại ngày</u> 01/01/2021 VND |
|--|--|--|
| Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4: | | |
| Công ty Cổ phần DAP Số 2 –VINACHEM | 7.269.988.585 | - |
| | <u>Tại ngày</u> 31/12/2021 VND | <u>Tại ngày</u> 01/01/2021 VND |
| Phải thu khác – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: | | |
| Ngắn hạn – Xem thêm mục 4.5 | 816.998.350 | 816.998.350 |
| Dài hạn – Xem thêm mục 4.5 | 3.737.502.545 | 3.737.502.545 |

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm 2021</u> VND | <u>Năm 2020</u> VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Nhận cung cấp dịch vụ: | | |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá | 250.106.100 | 957.119.130 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Mua hàng: | | |
| Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình | 317.204.573.200 | - |
| Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM | 270.682.619.399 | 115.640.244.375 |
| Công ty Cổ phần DAP số 2-VINACHEM | 130.588.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá | 79.236.193.850 | 157.368.663.900 |
| Công ty Cổ phần VINACHEM Việt Nam | 6.650.000.000 | - |
| Cộng | 804.361.986.449 | 273.008.908.275 |
| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
| Trả cổ tức: | | |
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 55.738.800.000 | 44.334.680.130 |
| Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty mẹ được chi tiết như sau: | | |
| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
| Hội đồng quản trị | Chức vụ | |
| Bùi Thế Chuyên | Chủ tịch | 106.000.000 |
| Nguyễn Văn Thiệu | Thành viên | - |
| | Thành viên kiêm | 48.000.000 |
| | Tổng Giám đốc | 53.000.000 |
| Ngô Văn Đông | Tổng Giám đốc | 757.550.860 |
| Lê Quốc Phong | Thành viên | 775.992.000 |
| Đỗ Quang Huy | Thành viên | 328.260.000 |
| Phan Văn Tâm | Thành viên | 77.000.000 |
| Mai Thành Phụng | Thành viên | - |
| | | 616.095.528 |
| | | 36.000.000 |
| Cộng | 1.346.365.860 | 1.879.215.528 |
| Ban Tổng Giám đốc | Chức vụ | |
| Nguyễn Minh Sơn | Phó Tổng Giám đốc | 602.916.491 |
| Võ Văn Phú | Phó Tổng Giám đốc | 544.685.400 |
| Trần Tấn Sơn | Kế toán trưởng | 610.700.491 |
| | | 557.351.579 |
| | | 508.297.400 |
| Cộng | 1.770.968.561 | 1.609.387.400 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY MẸ

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Năm 2021 VND</u> | <u>Năm 2020 VND</u> |
|-----------------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| Trương Minh Phú | Trưởng ban | 548.063.579 | 494.975.000 |
| Nguyễn Huy Hiếu | Thành viên | 53.000.000 | 53.000.000 |
| Quảng Đình Gang | Thành viên | 53.555.000 | 53.000.000 |
| Cộng | | 654.618.579 | 600.975.000 |

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn thuê quyền sử dụng đất của Nhà nước theo Hợp đồng thuê số 38/HĐ-TĐ, ngày 20 tháng 03 năm 2008. Hợp đồng thuê có kỳ hạn là 50 năm kể từ ngày 06 tháng 07 năm 2007 với tiền thuê cố định mỗi năm:

| | <u>Năm 2021 VND</u> | <u>Năm 2020 VND</u> |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm | 90.420.000 | 90.420.000 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

| | <u>Tại ngày 31/12/2021 VND</u> | <u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u> |
|----------------------|--|--|
| Từ 1 năm trở xuống | 90.420.000 | 90.420.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 452.100.000 | 452.100.000 |
| Trên 5 năm | 2.622.180.000 | 2.712.600.000 |
| Cộng | 3.164.700.000 | 3.255.120.000 |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù chưa tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Tập đoàn đến 31/12/2021 nhưng Tập đoàn cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Trần Tấn Sơn
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Hùng
Người lập biểu